



# THÔNG TIN LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN



TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH LÂM ĐỒNG

Mừng Đảng Mừng Xuân



- ◆ TƯ TƯỞNG NHÂN VĂN - MỘT TRONG NHỮNG NỘI DUNG CỐT LÕI CỦA DI SẢN HỒ CHÍ MINH
- ◆ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI - 90 NĂM NHÌN LẠI
- ◆ MỘT SỐ KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC NĂM 2019





# Một số hình ảnh về hoạt động của Nhà trường



Hội thảo khoa học cấp tỉnh “70 năm tác phẩm Dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Giá trị lý luận và thực tiễn (1949 - 2019)”.

Đ/c Trần Duy Hùng, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy Lâm Đồng phát biểu tại Lễ khai giảng lớp Cao cấp lý luận chính trị, hệ không tập trung, C16 Lâm Đồng 2019, khóa học 2019 - 2021.



Đoàn cán bộ, giảng viên, chuyên viên nhà trường đi nghiên cứu thực tế tại khu di tích lịch sử quốc gia Nhà tù Côn Đảo.



ĐẢNG ỦY - BAN GIÁM HIỆU - BAN CHẤP HÀNH CÔNG ĐOÀN  
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH LÂM ĐỒNG

*Chúc Mừng Năm Mới*



# Mừng xuân Canh Tý 2020

Nhân dịp xuân Canh Tý 2020, Hội đồng biên tập Bản tin "**Thông tin lý luận và thực tiễn**" xin gửi tới cộng tác viên và bạn đọc lời chào năm mới, lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Được sự quan tâm của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, sự phối hợp của các sở, ban, ngành trong tỉnh và sự cộng tác tích cực của các cộng tác viên, đến nay Bản tin "**Thông tin Lý luận và thực tiễn**" đã phát hành được 61 số, với gần 1000 bài viết, tin, ảnh của các tác giả, cán bộ làm công tác nghiên cứu và hoạt động thực tiễn, cán bộ, giảng viên của trường Chính trị và cộng tác viên.

Bản tin là diễn đàn trao đổi nhằm làm sáng tỏ những vấn đề mà lý luận và thực tiễn cuộc sống đang đặt ra; góp phần tích cực vào việc phổ biến, tuyên truyền, giáo dục đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Bản tin cũng là diễn đàn, nơi cán bộ, giảng viên trao đổi, học tập kinh nghiệm, phản ánh mọi mặt hoạt động của Nhà trường, tỉnh nhà và của nước, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong hệ thống chính trị để từng bước đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hội đồng biên tập xin chân thành cảm ơn Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, các sở, ban, ngành trong tỉnh, các cộng tác viên và bạn đọc đã quan tâm giúp đỡ, cộng tác, cổ vũ, động viên góp phần thiết thực vào sự trưởng thành của Bản tin. Để tiếp tục nâng cao chất lượng cả về nội dung và hình thức, Hội đồng biên tập rất mong nhận được sự cộng tác và góp ý kiến của cộng tác viên cùng bạn đọc.

Nhân dịp đầu năm mới, một lần nữa Hội đồng biên tập Bản tin "**Thông tin Lý luận và thực tiễn**" xin chúc các cộng tác viên cùng bạn đọc sức khỏe, hạnh phúc và thành công./.

**HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP**





### Chịu trách nhiệm xuất bản:

ThS Bùi Thắng - Hiệu trưởng

### Hội đồng biên tập:

ThS Phạm Kim Quang

ThS Phạm Công Xuân

ThS Phạm Hữu Hải

### Trình bày

Lê Viết Lâm

Lưu hành nội bộ, số lượng

270 bản, Khổ 19 x 27

### Giấy phép xuất bản

Số 12/GPXB-STTTT, Sở

Thông tin và Truyền thông Lâm  
Đồng, cấp ngày 28/12/2018

### In tại:

Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt

In xong, nộp lưu chiểu

tháng 01 năm 2020

### Địa chỉ:

Trường Chính trị Lâm Đồng

Số 5 Khe Sanh - P10 - Đà Lạt

### Điện thoại:

0263.3822011

### Email:

truongchinhtrilamdong@gmail.com

### Website

<http://truongchinhtrilamdong.com.vn>

**Ảnh bìa 1: Hội thi học viên học**

**giới lý luận chính trị lần II năm 2019**

## MỤC LỤC



## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- ❖ *Phạm Kim Quang* - Tư tưởng nhân văn - một trong 7  
những nội dung cốt lõi của di sản Hồ Chí Minh.
- ❖ *Lê Quang Sơn* - Đảng bộ Trường Chính trị Lâm Đồng 10  
tiến tới Đại hội nhiệm kỳ 2020 - 2025.
- ❖ *Kiều Hoài Sơn* - Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng 13  
và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng  
Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng trong công cuộc đổi  
mới.
- ❖ *Nguyễn Văn Phước* - Vận dụng tư tưởng Hồ Chí 15  
Minh về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại Trường Chính trị  
tỉnh Lâm Đồng
- ❖ *Chu Thị Thu Trang* - Tìm hiểu về phong cách Bác Hồ 20  
khi đến cơ sở và những vấn đề đặt ra đối với người cán  
bộ, đảng viên hiện nay.
- ❖ *Liễu Văn Bảo* - Nhìn lại kết quả 10 năm thực hiện 23  
Quyết định 185-QĐ/TW, ngày 3/9/2008 của Ban Bí thư  
(Khóa X) về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của  
Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị cấp huyện ở tỉnh Lâm  
Đồng.
- ❖ *Đinh Công Tuyển* - Nhận diện nguồn gốc, bản chất 26  
của âm mưu “Diễn biến hòa bình” ở Tây Nguyên hiện  
nay.
- ❖ *Đoàn Quang Duy Tuấn* - Ứng dụng công nghệ thông 30  
tin xây dựng phần mềm quản lý đào tạo tại Trường Chính  
trị tỉnh Lâm Đồng.
- ❖ *Lưu Thị Xuân* - Một số bước cần lưu ý trong soạn 32  
giáo án.



## MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

- ❖ **Phạm Văn Biễn** - Những kết quả đạt được trong công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa công chiêng các dân tộc Tây Nguyên tỉnh Lâm Đồng. 34
- ❖ **Lê Thị Thanh Phụng** - Đa Huoai thực hiện tốt chính sách của Đảng và Nhà nước về giáo dục, đặc biệt là ở vùng dân tộc thiểu số. 37
- ❖ **Hoàng Thị Như Quỳnh** - Xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Lâm Đồng. 41
- ❖ **Tô Văn Bẩy** - Lâm Đồng gắn công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc bản địa với phát triển du lịch. 44

## TIN TỨC - SỰ KIỆN

- ❖ **Lê Hữu Long** - Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời - 90 năm nhìn lại. 48
- ❖ **Nguyễn Thị Nhã** - Những sáng tạo của Hồ Chí Minh trong việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. 52
- ❖ **Phạm Hồng Hải** - Những bước ngoặt vĩ đại của dân tộc Việt Nam từ khi có Đảng. 55
- ❖ **Cao Trọng Tuệ, Lê Viết Lâm** - Một số kết quả về công tác đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học năm 2019. 58



**TƯ TƯỞNG NHÂN VĂN -  
MỘT TRONG NHỮNG NỘI DUNG CỐT LÕI CỦA DI SẢN  
HỒ CHÍ MINH**

*ThS Phạm Kim Quang \**

**Bác Hồ là tấm gương sáng ngời về đức hy sinh cao cả. Suốt cuộc đời, Người một lòng một dạ phục vụ Tổ quốc, Nhân dân, giai cấp và nhân loại. Trong những giá trị mà Người để lại cho muôn đời sau, có tư tưởng nhân văn. Đó là lòng thương yêu con người vô bờ bến. Từ lời nói cho việc làm; từ việc nhỏ đến việc lớn đều vì con người, nhất là những người nghèo khổ, người bị áp bức, bóc lột. Tư tưởng nhân văn đó được thể hiện ngay từ thuở nhỏ và đi suốt chiều dài quá trình hoạt động cách mạng của Người.**

**Kế thừa tư tưởng yêu nước, thương dân từ người cha đáng kính**

Chủ tịch Hồ Chí Minh xuất thân từ một gia đình có cha - một vị quan tài năng, đức độ, thanh liêm là Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc. Khi ông đậu Phó bảng (một học vị trong hệ thống khóa bảng Việt Nam trong thời Nguyễn), ông được nhà vua cũng như địa phương ban thưởng và chia đất. Thấu hiểu cuộc sống cơ cực của người dân, ông bán phần đất đó lấy tiền đem giúp người nghèo trong làng. Số tiền còn lại mới dành cho trang trải chi phí việc học hành và thi cử.

Khi làm quan, vì ghét cảnh bất công, thói cường hào áp bức của phần lớn những người phục vụ trong chế độ phong kiến nên cụ Sắc thường thông cảm, thương yêu những người dân nghèo hiền lành bị tầng lớp vua quan coi như đám cỏ cây (thảo dân) nên người quan thanh liêm và

cương trực nhiều lần đứng ra bênh vực nhân dân, trừng trị kẻ cường hào áp bức... Lúc không còn làm quan, ông dành phần còn lại của cuộc đời để giúp nhân dân, mang lại những điều tốt đẹp cho người dân như bốc thuốc chữa bệnh, làm thầy địa lý... không lấy tiền công. Tất cả những việc làm đó của cụ Nguyễn Sinh Sắc đều thể hiện tinh thần yêu thương người dân. Quan trọng hơn, chính ông đã gieo hạt giống nhân ái vào nhận thức và hành động của các con, góp phần hình thành nên nhân cách cao đẹp, sáng ngời của Nguyễn Tất Thành - Hồ Chí Minh sau này.

**Hình thành tư tình thương yêu con người khi đang ở trong gia đình**

Cha ươm điều thiện thì con tất làm điều tốt. Là một người lớn lên trong gia đình như vậy, nên không thể không ảnh hưởng đến nhân cách của Nguyễn Tất Thành. Từ hạt giống yêu thương được cha

gieo trồng, cây nhân ái đã tỏa cành, xanh lá. Theo nhà văn Sơn Tùng, khi Nguyễn Tất Thành còn ở quê, có lần theo chúng bạn đi bắt chim non đem về nuôi, cụ Sắc biết được liền nói với con: con chim có cái tổ để ở như ông bà, cha mẹ và các con có ngôi nhà để làm chốn nương thân. Nay con phá tổ, bắt chim non; chim bỏ mẹ ngoài việc không còn tổ, lại mất luôn chim con thì cũng giống như ai đó đến phá nhà mình, chia rẽ gia đình ta thì con nghĩ sao? Câu nói của cha làm trái tim Nguyễn Tất Thành nhói đau và trăn trở, hối hận về việc mình đã làm.

Cuộc sống nơi làng quê rất vốn đã khó khăn nay do bị chế độ phong kiến bóc lột nặng nề nên càng khó khăn hơn. Nhiều gia đình phải ly tán do thiếu trước hụt sau. Chứng kiến cảnh khổ đau đó, Nguyễn Tất Thành không cầm nổi nước mắt. Vì thế, gạo, ngô, khoai, sắn của nhà



cứ vui đi bắt thường. Cuối cùng thì cha mẹ phát hiện ra con trai của mình đã lấy đem cho hàng xóm. Đến khi vào Huế, Nguyễn Tất Thành và anh là Nguyễn Sinh Khiêm đã nhiều lần dẫu cha để dạy chữ cho bạn Xên - vốn thông minh nhưng bị bại liệt nên không thể đến trường. Khi cha phát hiện, Nguyễn Tất Thành đã nói: Thưa cha, chúng con nhớ lời cha mẹ dạy rằng, khi gặp việc tốt thì “Tiên hành, hậu thuyết” (gặp việc tốt thì làm trước báo sau). Sau đó, hai anh em không những không bị cha mẹ trách phạt mà còn được ngợi khen và thưởng cho bộ sách mới.

Được gia đình, đặc biệt là cụ Nguyễn Sinh Sắc dạy dỗ cẩn thận và truyền tấm lòng nhiệt tâm về yêu nước thương dân, nên Nguyễn Tất Thành luôn đau đáu về thân phận cơ cực, bị áp bức, bóc lột của người dân con Lạc, cháu Hồng. Trước nỗi đau nước mất, nhà tan, Nguyễn Tất Thành quyết tâm tìm lại tự do cho dân tộc và hạnh phúc cho nhân dân. Vì thế, Người đã xác định: phải đi ra nước ngoài xem cho rõ. Sau khi xem xét họ làm ra sao, tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi thoát khỏi thân phận bị đọa đày. Giúp nước tôi được độc lập, tự do. Đây là mơ ước thể hiện tính nhân văn sâu sắc, cao cả của người thanh niên tuổi mới đôi mươi.

### Trong cuộc đời hoạt động cách mạng.

Đến châu Âu, châu Mỹ xa xôi, Nguyễn Tất Thành đã mang theo cả văn hóa nhân văn mà anh học được từ người cha, từ quê hương Việt Nam. Tại nước Mỹ, nơi được coi là “cánh chim đầu đàn” của chủ nghĩa tư bản, bên cạnh những ngôi nhà chọc trời, được trang hoàng lộng lẫy... thì còn vô số người nghèo khổ, đói ăn, thiếu mặc, tạm bợ trong những khung nhà ổ chuột. Khi làm việc ở các nước tư bản phát triển đó, nhiều lần anh đã lựa chọn những đồ ăn thừa của khách để đem cho những người nghèo khổ mà anh gặp hàng ngày. Chính vì vậy, khi trả lời nhà báo Mỹ David Schoenbrun hỏi: *“Ngài đã khi nào có dịp tới nước Mỹ chưa?”*, Nguyễn Ái Quốc đáp: *“Khi làm công trên một chiếc tàu chở hàng, tôi đã tới Mỹ và dừng chân ở New York chừng một tuần. Tôi thấy đường phố của New York cũng đầy rác rưởi chứ không phải đầy vàng, và cũng đã thấy những điều khủng khiếp của những khu nhà ổ chuột của người da đen”*.

Như vậy, tại trung tâm của chủ nghĩa tư bản không phải là thiên đường, không phải hoàn toàn “Tự do, bình đẳng, bác ái” như khẩu hiệu mà chủ nghĩa đế quốc đã nêu ra trong công cuộc “khai hóa văn minh” cho dân tộc An Nam.

Vì thế, Nguyễn Tất Thành đã viết khi đến thăm Tượng Nữ thần tự do: “Ánh sáng trên đầu Thần Tự Do tỏa rộng khắp trời xanh, còn dưới chân Tượng Thần Tự Do thì người da đen đang bị chà đạp. Bao giờ người da đen được bình đẳng với người da trắng? Bao giờ có sự bình đẳng giữa các dân tộc? Và bao giờ người phụ nữ được bình đẳng với nam giới?”. Điều đặc biệt ở đây là trái tim và tấm lòng nhân hậu của Nguyễn Tất Thành không chỉ có chỗ cho những người bị bóc lột ở nước mình mà còn bao bọc, chở che, yêu thương người dân nghèo khổ ở tại nước đế quốc đang đi áp bức nhân dân các nước thuộc địa. Từ lời nói đến việc làm đã toát lên tinh thần nhân văn cao cả, hết lòng thương yêu con người, nhất là những người nghèo trong xã hội, cho dù họ ở đâu, làm gì. Bởi vì, theo Người, trên đời chỉ có hai giống người là giống người bóc lột và giống người bị bóc lột.

Một trong những bước ngoặt quan trọng là khi Người bắt gặp chủ nghĩa Mác - Lênin. Điều này đã giúp cho tư tưởng về nhân văn của Người thay đổi về chất thực sự. Nghiên cứu các tác phẩm của các ông, Nguyễn Ái Quốc phát hiện ra mục đích duy nhất, cao nhất mà các Mác và Lênin hướng tới là giải phóng con người, đưa “con người từ

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

vương quốc của tất yếu sang vương quốc của tự do” như trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*. Mác – Lênin cho rằng, mục đích cuối cùng của chủ nghĩa cộng sản không có gì khác là giải phóng con người khỏi mọi áp bức, bóc lột để “Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”.

Ngay cả tên gọi của mình, Người cũng đặt những tên thể hiện tính thương dân, yêu nước. Bên cạnh tên gọi được ông bà, cha mẹ đặt, Người còn có nhiều tên gọi như Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn Ái Dân. “Ái Quốc” là yêu nước, thì “Ái Dân” là yêu dân. Đã yêu nước thì thương dân. Mà đã “yêu dân” tất yếu sẽ “yêu nước. Vì yêu dân, yêu nước nên năm 21 tuổi, Nguyễn Tất Thành một mình tìm con đường thể hiện sự “yêu dân” và “yêu nước”. Quyết tâm thể hiện tinh thần “yêu dân” và “yêu nước” nên Người cùng với cả dân tộc Việt Nam quyết làm và đã làm nên kỳ tích trong lịch sử dân tộc và nhân loại mà như trong Di Chúc mà Người đã viết: “Nước ta sẽ có vinh dự lớn là một nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to - là Pháp và Mỹ; và đã góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc”. Điều này đã được thực tiễn chứng minh tính đúng đắn.

Khi mà ham muốn tột bậc của Người đã thành hiện thực “Nước được độc lập và dân được tự do” nhưng nhân dân vẫn còn đói, còn khổ vì bọn đế quốc và phong kiến gây nên, Người kêu gọi sẽ cõm nhường áo trên tinh thần lá lành đùm lá rách và chính Người - Chủ tịch nước gương mẫu thực hiện trước. “Cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn 3 bữa. Đem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo”. Bởi vì, theo Bác, nếu nếu nước độc lập mà dân không được no cơm, ấm áo, không được hưởng hạnh phúc, tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì. Người dân chỉ biết được giá trị của độc lập khi có cuộc sống tốt đẹp hơn cả về vật chất và tinh thần. Do đó, cả cuộc đời Người chỉ có một ham muốn đầy tính nhân văn cao cả, sâu sắc là làm sao cho nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta hoàn toàn được tự do. Đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành, mọi người đều đều được hưởng hạnh phúc là Người mãi nguyện.

Những ngày cuối đời, khi trung ương Đảng muốn đưa Người lên vùng K9, Đá Chông thuộc huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây (cũ) để dưỡng bệnh, vì tình hình chiến sự ở Hà Nội có nguy cơ ngày càng ác liệt hơn, hệ thống đê và các công trình thủy lợi có thể trở thành đối tượng đánh phá của

đế quốc Mỹ nhằm gây ngập lụt cho thủ đô. Bác kiên quyết từ chối và trả lời: Nếu Bác đi thì chỉ an toàn được một mình Bác, còn tính mạng và tài sản của nhân dân thì sao? Bác không thể xa dân lúc này. Như vậy, ngay cả đến lúc chuẩn bị “đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác”, Người vẫn canh cánh một nỗi niềm làm sao nhân dân được hạnh phúc.

Tóm lại, tư tưởng nhân văn cao cả của Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh không ra đời từ hư vô mà là sự kế thừa giá trị văn hóa nhân văn của gia đình, của dân tộc Việt Nam, với tinh hoa văn hóa nhân loại mà đỉnh cao là chủ nghĩa Mác - Lênin. Đồng thời, đó còn là sự rèn luyện, phấn đấu bền bỉ của Người thông qua hoạt động thực tiễn. Nó là dòng chảy xuyên suốt lịch sử của Hồ Chí Minh. Điểm đặc biệt của Người là không chỉ yêu thương con người, yêu thương nhân dân của đất nước mình mà còn thương yêu thương cả những người nghèo khổ, bị áp bức, bóc lột trên thế giới. Chính điều này đã dựng nên tượng đài Hồ Chí Minh về tấm lòng nhân văn sâu sắc và trường tồn cùng với dòng chảy vô tận của dân tộc và lịch sử nhân loại.

---

**\* Phó Hiệu trưởng**



**ĐẢNG BỘ TRƯỞNG CHÍNH TRỊ LÂM ĐỒNG TIẾN TỚI  
ĐẠI HỘI NHIỆM KỲ 2020 - 2025**

*ThS Lê Quang Sơn\**

**T**hực hiện chỉ thị số 35 - CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII; Kế hoạch của Tỉnh ủy Lâm Đồng; Kế hoạch của Đảng ủy Khối Các cơ quan tỉnh, Đảng ủy Trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng đã xây dựng kế hoạch chuẩn bị Đại hội Đảng bộ cơ sở nhiệm kỳ IX (2020 - 2025), dự kiến sẽ tổ chức vào tháng 6 năm 2020.

Đại hội đảng bộ cơ sở trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng diễn ra vào dịp toàn Đảng đang tổ chức đại hội Đảng cấp cơ sở để tiến đến tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Đây là đợt sinh hoạt chính trị quan trọng của toàn Đảng, toàn dân. Đại hội diễn ra trong bối cảnh đất nước và tỉnh nhà đã đạt được những thành tựu quan trọng, to lớn trong phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng được giữ vững, đối ngoại được mở rộng, vị thế nước ta trên trường quốc tế được nâng lên. Công tác đấu tranh, phòng chống tham nhũng, lãng phí và các tiêu cực khác đã đạt được những kết quả quan trọng mang lại niềm tin cho quần chúng,

nhân dân.

Đảng bộ cơ sở trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng bước vào chuẩn bị các nội dung cho Đại hội đảng bộ nhiệm kỳ 2020 - 2025 trong một tâm thế phấn khởi, tự tin bởi những thành quả lãnh đạo đã đạt được trong nhiệm kỳ 2015- 2020.

Trong công tác chính trị tư tưởng, Đảng bộ đã đạt được những kết quả tích cực góp phần nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và quần chúng. Trong nhiệm kỳ, bám sát kế hoạch học tập nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết của các cấp ủy Đảng, Đảng ủy trường Chính trị, các chi bộ đã tổ chức cho đảng viên là cán bộ, giảng viên dự các hội nghị quán triệt Nghị quyết của Trung ương, đảng viên ở các phòng chức năng, người lao động và học viên các lớp học tập trung tại trường được Đảng ủy tổ chức lớp học tại trường và mời báo cáo viên là các đồng chí lãnh đạo Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh hoặc phân công các đồng chí Đảng ủy viên có kiến thức và kinh nghiệm truyền đạt.

Trong việc triển khai học

tập tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo chỉ thị 05 của Bộ Chính trị, Đảng ủy và các chi bộ triển khai có hiệu quả. Việc lựa chọn nội dung đăng ký và phân đấu thực hiện theo đăng ký cũng được thực hiện sáng tạo ở mỗi chi bộ bằng những việc làm cụ thể, thiết thực, có đánh giá hàng tháng và sơ kết 6 tháng, tổng kết công tác năm. Qua việc thực hiện trong nhiệm kỳ 2015 - 2020, lập trường tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ đảng viên được nâng lên, không có biểu hiện suy thoái chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến” ,“tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Công tác quản lý, giáo dục, rèn luyện đảng viên trong nhiệm kỳ đã được Đảng bộ quan tâm. Đảng ủy đã tập trung lãnh đạo nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ theo Hướng dẫn số 09-HD/BTCTW, ngày 02/3/2012 của Ban Tổ chức Trung ương và nay là Hướng dẫn số 12-HD/BTCTW, ngày 06/7/2018. Việc duy trì nề nếp sinh hoạt chi bộ, quản lý tốt đảng viên tham gia sinh hoạt định kỳ;

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

thực hiện tốt nội dung thông tin thời sự để đảng viên nắm vững những văn bản lãnh đạo mới của các cấp ủy Đảng cấp trên, nâng cao tính tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị; thực hiện tốt tự phê bình và phê bình, giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ. Đảng viên được phân công giao nhiệm vụ gắn với vị trí công tác, tham gia công tác quần chúng nơi công tác và nơi cư trú. Định kỳ các chi bộ đánh giá việc rèn luyện của đảng viên. Đảng viên báo cáo trước Chi bộ về quá trình và kết quả rèn luyện của mình.

Công tác cán bộ trong nhiệm kỳ cũng được Đảng ủy quan tâm. Trên cơ sở tiêu chuẩn các chức danh cán bộ của Nhà trường và tiêu chuẩn cấp ủy viên cơ sở, Đảng ủy đã thực hiện công tác quy hoạch và tham gia quy hoạch các chức danh cán bộ của Đảng bộ, của Nhà trường và các đoàn thể; tham gia đánh giá cán bộ để giới thiệu bổ nhiệm các chức danh cán bộ lãnh đạo nhà trường, các phòng, khoa; giới thiệu ứng cử, bầu cử vào ban chấp hành các đoàn thể trong trường, chuẩn bị nguồn nhân sự cho cấp ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Cùng với quy hoạch cán bộ, Đảng ủy lãnh đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện

cán bộ chuẩn bị nguồn cán bộ đủ về số lượng, cơ cấu và chất lượng cho đại hội nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Công tác lãnh đạo xây dựng, củng cố, kiện toàn nâng cao chất lượng hoạt động của Nhà trường, các đoàn thể quần chúng đã đạt được những kết quả tích cực. Trong nhiệm kỳ đã diễn ra đại hội của các tổ chức đoàn thể trực thuộc như Công đoàn cơ sở, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trường Chính trị, Chi đoàn cơ quan, Hội Cựu chiến binh cơ sở. Đảng ủy đã cho ý kiến vào các văn kiện Đại hội của các tổ chức quần chúng và lãnh đạo công tác cán bộ của các tổ chức đảm bảo thực hiện tốt vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với đoàn thể cùng cấp.

Đối với Nhà trường, trong nhiệm kỳ thực hiện quy định số 09 của Bộ Chính trị và Quy định số 06 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về chức năng nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Trường Chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ cấu tổ chức của trường Chính trị Tỉnh Lâm Đồng giảm từ 4 khoa 3 phòng 1 trung tâm xuống còn 3 khoa, 2 phòng. Đảng ủy tham gia lãnh đạo sắp xếp tổ chức, bố trí cán bộ phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, hạn chế sự xáo trộn, ổn định tổ chức, thực hiện tốt chức năng nhiệm

vụ được giao.

Trong công tác lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, Đảng ủy lãnh đạo Nhà trường triển khai nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đã được Tỉnh ủy phê duyệt giao kế hoạch hàng năm. Trong nhiệm kỳ 2015 - 2020, nhiệm vụ đào tạo bồi dưỡng của nhà trường luôn hoàn thành vượt mức kế hoạch cấp trên giao so với đầu các năm.

Những kết quả đạt được nêu trên chính là những điều kiện để Đảng bộ Trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng tổ chức thành công Đại hội đảng bộ cơ sở nhiệm kỳ 2020-2025.

Để thực hiện thành công Đại hội Đảng bộ bộ sẽ diễn ra vào tháng 6 năm 2020, Đảng bộ trường Chính Trị sẽ thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau đây:

- Các chi bộ sẽ tổ chức đại hội nhiệm kỳ 2020 - 2022 trong quý một năm 2020 theo Kế hoạch đã được Đảng ủy ban hành. Các chi bộ cần phải tập trung chuẩn bị chu đáo nội dung cho đại hội, đó là là Báo cáo nhiệm kỳ của các chi bộ. Báo cáo phải phản ánh rõ kết quả và hạn chế sự lãnh đạo của chi bộ đối với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị; việc phân công, quản lý, giáo dục, rèn luyện đảng viên; công tác kiểm tra, giám sát; công tác quần chúng; việc thu và nộp



đảng phí của chi bộ.

Trong công tác cán bộ, trên cơ sở Quy hoạch cán bộ đã được phê duyệt, đại hội các chi bộ dân chủ trao đổi, bàn bạc, lựa chọn và quyết định bầu những đồng chí đảng viên đủ đức, đủ tài có uy tín cao để làm bí thư các chi bộ. Đại hội các chi bộ phát huy trí tuệ, tinh thần trách nhiệm tham gia vào dự thảo các báo cáo chuẩn bị cho Đại hội Đảng bộ cơ sở trường nhiệm kỳ 2020 -2025.

Đối với Đảng ủy trường Chính trị, phát huy những ưu điểm, kết quả đạt được của nhiệm kỳ 2015 - 2020, tập trung chuẩn bị tốt cho Đại hội. Đối với báo cáo chính trị của Đảng bộ phải đánh giá khách quan, trung thực, sát tình hình thực tế của Đảng bộ, đánh giá đúng những ưu điểm, khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng bộ, lãnh đạo nhà trường các đoàn thể, lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị. Trong đánh giá phải bám sát vào mục tiêu, nhiệm vụ đã được Đại hội Đảng bộ khoá VIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020 thông qua. Qua đó, chỉ rõ nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan, rút ra những bài học sâu sắc, toàn diện, sát thực tế, đồng thời dự báo được xu hướng, tình hình trong nhiệm kỳ 2020 - 2025, đề ra được mục tiêu, nhiệm vụ, vụ giải pháp sát thực có tính khả thi cao để góp phần

hoàn thành tốt nhiệm vụ của Đảng bộ trong nhiệm kỳ 2020 - 2025. Đảng ủy nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình, nghiêm túc thẳng thắn, trung thực, đánh giá khách quan công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện Nghị quyết của đại hội đảng bộ nhiệm kỳ 2015 – 2020; Kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, khóa XII gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức đức và phong cách Hồ Chí Minh và các quy định nêu gương của cán bộ đảng viên, nhất là người đứng đầu, chỉ rõ nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan của khuyết điểm yếu kém, xác định rõ trách nhiệm của tập thể và cá nhân.

Trong công tác cán bộ, Đảng ủy có vai trò quan trọng trong chuẩn bị nhân sự cho Đại hội, Đảng ủy phải nắm vững và tổ chức thực hiện tốt chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị về Đại hội Đảng các cấp tiến tới đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng về công tác chuẩn bị nhân sự và bầu cấp ủy. Cụ thể, phải nắm vững tiêu chuẩn, độ tuổi, cơ cấu, số lượng cấp ủy viên cho đại hội, thực hiện đúng quy trình nhân sự. Trong công tác chuẩn bị nhân sự cho đại hội, cần quán triệt và thực hiện đúng quy định số 205-QĐ/TW, ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính

trị Về việc kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền.

Đại hội Đảng bộ trường Chính Trị tỉnh Lâm Đồng nhiệm kỳ IX (2020-2025) là dịp sinh hoạt chính trị quan trọng để toàn thể cán bộ, đảng viên và quần chúng trong nhà trường nghiên cứu tìm hiểu về những thành tựu của đất nước qua hơn 30 năm đổi mới, thấy rõ được những bước đi trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay. Là dịp để nhìn nhận đánh giá đúng đắn khách quan những ưu điểm và hạn chế chế trong sự lãnh đạo của Đảng trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, xây dựng hệ thống chính trị, trong công tác xây dựng nội bộ Đảng. Đặc biệt, đây là dịp để Đảng bộ trường Chính trị xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp để lãnh đạo Nhà trường thực hiện thành công nhiệm vụ đào tạo tạo và bồi dưỡng cán bộ của tỉnh Nhà đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới, góp phần đạt được mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp đã được xác định trong Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 7, Khóa XII của Đảng./.

---

*\* Trưởng khoa Nhà nước và pháp luật*

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN  
SÁNG TẠO CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH  
VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI**

ThS Kiều Hoài Sơn\*

**Đ**ảng Cộng sản Việt Nam, do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập lãnh đạo và rèn luyện, đã vận dụng sáng tạo học thuyết Mác - Lênin về đảng cộng sản vào xây dựng Đảng ta, trở thành một Đảng cách mạng như ngày nay. Thực tiễn sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa cho thấy, trên cương vị của một Đảng duy nhất cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội, nhiệm vụ, trách nhiệm của Đảng hết sức nặng nề, phức tạp. Để hoàn thành sứ mệnh lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi tới thắng lợi vẻ vang, Đảng phải tiếp tục nghiên cứu, vận dụng và phát triển sáng tạo học thuyết Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về đảng cộng sản trong công tác lãnh đạo và xây dựng Đảng ta.

Cuối năm 1929 cho tới đầu năm 1930 cùng với sự lớn mạnh của phong trào yêu nước Việt Nam, ba tổ chức cộng sản lần lượt ra đời, yêu cầu cấp thiết của cách mạng là phải thống nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất. *Đang hoạt động ở Xiêm Nguyễn Ái Quốc với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản có đầy đủ quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến phong trào cách mạng ở Đông Dương, Người chủ động triệu tập các đại biểu bàn việc hợp nhất các tổ chức cộng sản. Dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc Hội nghị hợp nhất đạt được sự nhất trí hoàn toàn, trên cơ sở bỏ mọi thành kiến xung đột cũ, đặt tên đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam, thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt, Chương trình tóm tắt của Đảng do Nguyễn Ái Quốc dự thảo.*

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam chính là kết quả của tinh thần độc lập, sáng tạo trong việc vận dụng các nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của một nước thuộc địa nửa phong kiến của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Khác với sự ra đời của nhiều đảng cộng sản ở các nước tư bản khi đó và cả chính chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng cộng sản Việt Nam ra đời là sự kết hợp của chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước, kết hợp chặt chẽ yếu tố giai cấp và dân tộc, tiêu biểu cho lợi ích, nguyện vọng của giai cấp và của cả dân tộc. Đó cũng chính là quá trình Nguyễn Ái Quốc xác định đúng mâu thuẫn chủ yếu của xã hội các nước thuộc địa là mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa với đế quốc xâm lược, chứ không phải là mâu thuẫn giữa vô sản và tư sản; địa chủ với nông dân, chính vì vậy phải đặt vấn đề dân tộc lên hàng đầu, kết hợp đúng đắn giữa vấn đề giai cấp và vấn đề dân tộc. Với sự kết hợp này, Đảng Cộng sản Việt Nam không chỉ là Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam mà còn là Đảng của dân tộc Việt Nam đại diện cho ý chí nguyện vọng và lợi ích của toàn thể dân tộc.

Thành công của hội nghị và sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam gắn liền với tên tuổi, trí tuệ, uy tín và đạo đức cách mạng, tính chủ động, sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc. Với uy tín và trí tuệ của mình, Nguyễn Ái Quốc đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử, trở thành Người sáng lập Đảng - Đảng của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam. Hội nghị hợp nhất các



## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

tổ chức cộng sản Việt Nam có giá trị như một đại hội thành lập Đảng. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về vai trò lãnh đạo cách mạng Việt Nam, mở đầu một thời kỳ mới trong lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân cả nước. Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam ta. Nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản nước ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng.

Trải qua 90 năm ra đời, phát triển, Đảng ta luôn vận dụng và phát triển sáng tạo những nguyên tắc cơ bản của học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng đảng cộng sản. Tổng kết công tác xây dựng Đảng qua các thời kỳ cách mạng khác nhau, *Đảng ta vẫn luôn khẳng định những nguyên tắc sau:*

*Thứ nhất*, Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, *đồng thời là đội tiên phong* của nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam. *Thứ hai*, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. *Thứ ba*, tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức và hoạt động cơ bản của Đảng. *Thứ tư*, Đảng là một tổ chức chặt chẽ, thống nhất ý chí và hành động, đoàn kết trên cơ sở Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng; thường xuyên tự phê bình và phê bình để phát triển. *Thứ năm*, Đảng gần bó mật thiết với nhân dân. *Thứ sáu*, Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. *Thứ bảy*, Đảng tích cực kết nạp những quần chúng ưu tú của giai cấp công nhân, nhân dân lao động vào Đảng, kịp thời đưa những người không đủ tư cách ra khỏi Đảng. *Thứ tám*, Đảng kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại.

Đồng thời, Đảng quy định rõ việc “giữ mối liên hệ mật thiết với nhân dân” và “Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp

luật” là các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng. Đây là một sự phát triển mới trong nhận thức về nguyên tắc xây dựng Đảng của Đảng ta. Tuân thủ nghiêm ngặt những nguyên tắc chủ yếu nói trên trong quá trình xây dựng Đảng là một trong những nguyên nhân có tính quyết định bảo đảm cho Đảng ta giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam; là cơ sở khoa học để Đảng ta không ngừng chăm lo xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, làm cho Đảng luôn xứng đáng vai trò người lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Vận dụng sáng tạo học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về đảng cộng sản phù hợp với nước ta, Đảng ta đã xây dựng thành công một đảng kiểu mới ở Việt Nam đưa cách mạng nước ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. 90 năm qua thế giới đã có nhiều đổi thay, chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu tan rã, đòi hỏi Đảng ta phải tiếp tục vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng.

Trong công cuộc đổi mới hiện nay, Đảng luôn xác định phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, phát triển con người, văn hóa mới là nền tảng tinh thần của xã hội song song đến cùng xây dựng Đảng có vai trò quyết định nhất. Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về đảng cộng sản và xây dựng đảng vẫn là cẩm nang có giá trị nhất, là ngọn đuốc soi đường cho Đảng và nhân dân Việt Nam tiến hành công tác xây dựng Đảng, để từ đó Đảng có đủ năng lực lãnh đạo thắng lợi công cuộc đổi mới, đưa đất nước đến mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội./.

---

*\* Trưởng khoa Xây dựng Đảng*

**VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐÀO TẠO,  
BỒI DƯỠNG CÁN BỘ TẠI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH LÂM ĐỒNG**

*ThS Nguyễn Văn Phước\**

Sinh thời Bác Hồ rất quan tâm đến công tác cán bộ, xem đây là một trong những vấn đề then chốt quyết định đến sự thành bại của cách mạng. Bác chỉ rõ: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”<sup>1</sup>, “Muôn việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém. Đó là một chân lý nhất định”<sup>2</sup>. Hiện nay đất nước ta đang bước vào thời kỳ đổi mới toàn diện, trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất là lĩnh vực kinh tế, giáo dục, y tế, ... Cho nên đòi hỏi chất lượng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ngày càng phải nâng cao trình độ lý luận chính trị, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, khả năng hoàn thành nhiệm vụ, năng lực xử lý tình huống, ... để đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Vì vậy, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ các cấp được Đảng và Nhà nước quan tâm đặc biệt.

**1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ**

Từ những năm 1924 khi đang hoạt động ở Trung

Quốc, Bác đã quan tâm đến công tác bồi dưỡng lý luận cách mạng cho những thanh niên yêu nước trong nước. Theo Bác, công tác đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện cán bộ được thể hiện tập trung thông qua các vấn đề: huấn luyện làm gì, huấn luyện ai, huấn luyện cái gì, ai huấn luyện và huấn luyện như thế nào? Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về chuyên môn, nghiệp vụ trên các lĩnh vực từ chính trị, văn hoá, giáo dục, y tế, ... việc huấn luyện cán bộ phải thiết thực, theo yêu cầu công việc, huấn luyện cần kết hợp lý luận với thực tiễn.

Theo Bác, trước hết cần phải coi trọng công tác huấn luyện cán bộ, coi huấn luyện là nhiệm vụ hàng đầu trong công tác cán bộ. Vì cán bộ là người đem chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thực thi trong đời sống xã hội; cán bộ có tốt, có giỏi thì việc thực thi nhiệm vụ mới tốt, mới đạt hiệu quả. Công tác huấn luyện, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được thể hiện thông qua các nội dung:

Về chủ thể và đối tượng trong huấn luyện đó là “ai

huấn luyện” và “huấn luyện ai”. Bác chỉ rõ: “Huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng”<sup>1</sup>, “Các cơ quan cần rất chú ý tới việc huấn luyện cán bộ”<sup>3</sup>. Người tham gia huấn luyện phải là Người có đầy đủ phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn nghiệp vụ, phải biết kết hợp thành thạo giữa lý thuyết và thực tiễn ... Không phải ai cũng có thể huấn luyện được. Chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cũng phụ thuộc vào chính đội ngũ giảng viên, báo cáo viên, người trực tiếp truyền đạt kiến thức đến người học. Bác chỉ ra rằng “Phải lựa chọn rất cẩn thận những nhân viên phụ trách việc huấn luyện đó. Những người lãnh đạo cần phải tham gia việc dạy”<sup>8</sup>. Đội ngũ báo cáo viên, giảng viên là người thầy, cần phải có vốn tri thức sâu, rộng, đúng chuyên môn, nghiệp vụ; phải là người đảm bảo về trình độ lý luận chính trị, về đạo đức, tác phong nghề giáo, phải biết vận dụng đầy đủ giữa lý luận với thực tiễn. Bác còn chỉ ra rằng “Muốn huấn luyện thợ rèn, thợ nguội thì người huấn luyện phải thạo nghề rèn, nghề



nguội. Người huấn luyện của đoàn thể phải làm kiểu mẫu về mọi mặt tư tưởng, đạo đức, lối làm việc”<sup>9</sup>. Còn đối với “huấn luyện ai” đó là xác định rõ đối tượng cần huấn luyện. Bác chỉ rõ có 4 nhóm đối tượng cần được huấn luyện, đào tạo, bồi dưỡng: cán bộ đảng, đoàn viên của đoàn thể, cán bộ chuyên môn của chính quyền và cả nhân dân. Như vậy, đối tượng cần phải được huấn luyện rất đa dạng, mọi tầng lớp.

Về nội dung và hình thức đào tạo, bồi dưỡng: Theo Người, huấn luyện là việc cốt yếu là làm cho người học hiểu thấu vấn đề, “cốt thiết thực, chu đáo hơn nhiều”<sup>6</sup>. Hay “làm ít nhưng làm cho hẳn hoi”<sup>6</sup>. Những nội dung về đào tạo, bồi dưỡng đó là: về chuyên môn, nghiệp vụ, về chính trị, đạo đức. Về hình thức đào tạo: theo Bác cần “mở lớp nào cho ra lớp ấy, lựa chọn người dạy, người học cẩn thận, đừng để lung tung”<sup>6</sup>. Người cho rằng, việc mở lớp quá đông dẫn đến trình độ học viên quá chênh lệch nhau, hoặc mở quá nhiều lớp sẽ không có hiệu quả. Nội dung và hình thức đào tạo, bồi dưỡng cần gắn với thực tiễn.

Về phương pháp và mục đích đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cần phải phù hợp từng nhóm đối tượng. Phương pháp huấn luyện phải cụ thể, thiết thực, phải căn cứ vào đặc điểm, yêu

cầu của nghề nghiệp, trình độ cán bộ để tiến hành, kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn; làm sao dễ hiểu, dễ nhớ. Diễn đạt ngắn gọn, súc tích. Bác chỉ rõ “Khi vận dụng thì bổ sung, làm phong phú thêm lý luận bằng những kết luận mới rút ra từ trong thực tiễn cách mạng nước ta”<sup>10</sup>. Về mục đích đào tạo, bồi dưỡng, Bác chỉ rõ: huấn luyện cán bộ là để cho cán bộ thực thi công việc ngày càng tốt hơn, hiệu quả hơn và việc cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng là “làm việc, làm người, làm cán bộ”<sup>4</sup>. Cán bộ sau khi hoàn thành khóa đào tạo thì phải hoàn thành nhiệm vụ phân công hiệu quả hơn trước khi đào tạo; phải làm việc, thực hiện những nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao phó, kế tiếp làm người, rồi mới làm cán bộ.

Về phương pháp học tập, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng “phải lấy tự học làm cốt. Do thảo luận và chỉ đạo giúp vào”<sup>7</sup>, việc học tập không chỉ đơn thuần là truyền đạt kiến thức, kinh nghiệm từ một phía mà phải biết đó là quá trình có mối tương quan với nhau giữa lý thiết và thực tiễn và phải biến quá trình học tập thành quá trình tự học, lấy người học làm trung tâm. Người chỉ rõ, học ở sách vở, học ở tài liệu, học ở trường, học hỏi lẫn nhau và học ở Nhân dân. Bên cạnh phương pháp học tập thì cũng cần phải có động

cơ học tập. Động cơ học tập, giúp người học xác định được mục tiêu học để làm gì, từ đó mà phấn đấu nỗ lực trong học tập để đạt kết quả cao nhất. Theo Bác “khi học lý luận thì nhằm mục đích học để vận dụng chứ không phải học lý luận vì lý luận, hoặc tạo cho mình một cái vốn lý luận để sau này đưa nó ra để mặc cả với Đảng. Tất cả những động cơ học tập không đúng đắn đều phải tẩy trừ cho sạch”<sup>7</sup>.

Như vậy, tư tưởng của Bác về huấn luyện cán bộ đã được thể hiện sâu sắc từ việc xác định vị trí và tầm quan trọng công tác cán bộ, xác định chủ thể huấn luyện, đối tượng huấn luyện, cũng như nội dung, phương pháp và hình thức huấn luyện. Qua đó, giúp chúng ta vận dụng vào công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trên từng ngành, lĩnh vực, từng địa phương đạt hiệu quả.

### **2. Vận dụng tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại trường chính trị tỉnh Lâm Đồng.**

Trong thời gian qua, Đảng ta đã vận dụng tư tưởng của Bác về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong từng giai đoạn khác nhau tương ứng từng chính sách, nghị quyết và mang lại hiệu quả. Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 18/6/1997 tại Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

VIII về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; trong đó đề ra nhiệm vụ, giải pháp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong giai đoạn cách mạng mới từ việc xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đối với từng loại cán bộ, nội dung, phương thức đào tạo. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng nhấn mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ: Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ công tác cán bộ. Thực hiện tốt chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; đổi mới tư duy, cách làm, khắc phục những yếu kém trong từng khâu công tác cán bộ. Xây dựng và thực hiện nghiêm cơ chế, chính sách phát hiện, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; trọng dụng những người có đức, có tài. Đại hội XI của Đảng đã ban hành nghị quyết số 32-NQ/TW ngày 26/5/2014 của Ban chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý. Nghị quyết xác định mục tiêu: tạo sự chuyển biến, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả của công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức và năng lực, phong cách làm

việc hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Kết luận 117-KL/TW ngày 20/11/2015 của Ban Bí thư về công tác đào tạo, bồi dưỡng tại các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; trong đó cần phải: đổi mới chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng, gắn đào tạo cơ bản với bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý, bồi dưỡng chức danh, tăng cường trách nhiệm của người học, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng toàn diện, giữ vững bản chất trường Đảng của địa phương, tăng thêm kiến thức thực tiễn, giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tác phong. Chú trọng đổi mới phương pháp dạy và học gắn với đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, góp phần thiết thực vào việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương và bổ sung, hoàn thiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, tăng cường đội ngũ cộng tác viên, giảng viên là cán bộ lãnh đạo, quản lý tham gia giảng dạy, nghiên cứu. Bên cạnh đó, Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 09/02/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát

triển chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới đã đề ra nhiệm vụ, giải pháp: đổi mới mạnh mẽ về nội dung, phương pháp học tập, nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh theo hướng phù hợp với từng đối tượng, phát huy tính tự giác, tinh thần trách nhiệm, thường xuyên tự học tập, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ, bản lĩnh chính trị và phương pháp công tác của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là thế hệ trẻ, ... Đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị, ứng dụng các phương pháp hiện đại, hấp dẫn người học, tạo hứng thú tìm tòi, nghiên cứu. Đổi mới hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá thực chất kết quả học tập lý luận chính trị theo hướng thực chất. Đặc biệt, tại đại hội XII của Đảng đã ban hành nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của ban chấp hành Trung ương về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Trong đó thực hiện nhiệm vụ, giải pháp: hoàn thiện cơ chế, đẩy mạnh thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ có triển vọng và đặc biệt quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện lớp cán bộ kế cận. Chủ động nắm, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, rèn

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

luyện đối với sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc ở trong nước và nước ngoài.

Trong những năm qua, quán triệt tư tưởng của Bác và chủ trương, nghị quyết của Đảng về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, thực hiện quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về kế hoạch, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, Nhà trường đã đạt được những kết quả đáng trân trọng. Trường đã bám sát nội dung, kế hoạch hàng năm, cũng như chiêu sinh đúng các đối tượng đào tạo, bồi dưỡng, đa dạng hoá các hình thức đào tạo, đáp ứng yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng các cấp, các ngành trong tỉnh, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao. Hàng năm, Nhà trường có tổ chức cho đội ngũ giảng viên đi nghiên cứu thực tiễn ở các nơi và vận dụng vào bài giảng đạt hiệu quả cao, cũng như đã tổ chức các cuộc hội thảo khoa học, sinh hoạt chuyên đề, trao đổi tổng kết rút kinh nghiệm, giúp đỡ nhau, cùng nhau hoàn thiện. Nhà trường đặc biệt chú trọng trong việc nâng cao chất lượng trong từng bài giảng, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực, kết hợp giữa thực hành và kỹ năng xử lý tình huống, ... Trường thực hiện đúng các quy định do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ban

hành, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức viên chức tại địa phương.

Hiện nay, Nhà trường có tổng số 50 cán bộ, viên chức và người lao động (37 biên chế và 13 hợp đồng). Trong đó, nam 26 đồng chí, nữ 24 đồng chí.

Về trình độ chuyên môn: Thạc sĩ 25 đồng chí (đang học Cao học 01 đồng chí), Đại học 17 đồng chí, trình độ Trung cấp 3 đồng chí, chưa qua đào tạo chuyên môn 5 đồng chí (tập trung bộ phận phục vụ và bảo vệ).

Về trình độ lý luận chính trị: cao cấp lý luận chính trị và tương đương 21 đồng chí (đang học cao cấp và tương đương 03 đồng chí), trung cấp lý luận chính trị 13 đồng chí

Về đối tượng người học tại Trường: đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Về hình thức đào tạo: tập trung và không tập trung.

Về chương trình đào tạo, bồi dưỡng: chủ yếu tập trung vào đào tạo Trung cấp lý luận chính trị - hành chính; bồi dưỡng ngạch chuyên viên, chuyên viên chính; bồi dưỡng lãnh đạo cấp phòng; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ ngắn ngày.

Trong năm 2019, Nhà trường đã mở 88 lớp với tổng số học viên là 7188.

Trong đó, các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh giao là 65 lớp (tổng số 5554 học viên); các lớp liên kết mở theo chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh là 20 lớp (tổng số 1547 học viên); các lớp xã hội hoá là 02 lớp (tổng số 99 học viên).

Hệ thống cơ sở vật chất, kỹ thuật để phục vụ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng tại Trường ngày càng hoàn thiện và hiện đại, tạo điều kiện thuận lợi cho học viên học tập, đáp ứng được yêu cầu thực tiễn.

Tuy nhiên, trước tình hình phát triển chung của cả nước, để đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ hội nhập, phát triển, thời đại công nghiệp 4.0,... thì đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành cần phải nâng cao chất lượng; trong đó cần thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng là nhiệm vụ quan trọng, theo đó Nhà trường cần thực hiện các giải pháp:

*Thứ nhất*, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng uỷ, Ban giám hiệu Nhà trường về việc thực hiện nhiệm vụ do tỉnh uỷ giao phó, nhất là trong việc thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch hàng năm cần theo hướng lấy chất lượng làm trọng tâm.

*Thứ hai*, không ngừng



## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

giáo dục nhận thức cho đội ngũ giảng viên, viên chức, người lao động, nhất là học viên về tầm quan trọng của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong tình hình mới. Đối với giảng viên, báo cáo viên là người truyền tải những tri thức tới học viên thì không những giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ lĩnh vực mình đảm nhiệm mà còn phải có đầy đủ phẩm chất là Nhà giáo, về trình độ lý luận chính trị, về đạo đức, phải gắn lý luận với thực tiễn, ... Các chuyên đề liên quan đến thực tiễn nhiều thì cần phải mời những chuyên gia đầu ngành, báo cáo viên giỏi. Đối với học viên là người tiếp thu những tri thức cần phải nghiêm túc trong học tập, cần xác định động cơ học tập đúng đắn, tiếp nhận những tri thức, phát huy tính chủ động trong học tập và vận dụng có hiệu quả trong thực hiện công việc.

*Thứ ba*, cần đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực, quan tâm đến cả đội ngũ giảng viên và học viên, gắn lý luận và thực tiễn. Xây dựng nội dung, chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng phải phù hợp với từng đối tượng, từng lớp học, từng chủ đề.

*Thứ tư*, Nhà trường không ngừng quan tâm, đề ra giải pháp nâng cao chất lượng cho đội ngũ giảng viên trẻ, mới, nhất là trong công tác đào tạo,

bồi dưỡng những người chưa có kinh nghiệm trong hoạt động giảng dạy lý luận chính trị.

*Thứ năm*, Nhà trường cần đầu tư hệ thống các trang thiết bị kỹ thuật theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ 4.0 vào trong dạy học như: Thư viện điện tử số, máy chiếu đa năng, phòng học đa năng, ... tạo môi trường dạy học sư phạm, góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng.

Đất nước ta ngày càng đổi mới, phát triển, sự nghiệp công nghiệp hoá hiện đại hoá đòi hỏi các cấp các ngành phải cùng nhau nỗ lực phấn đấu thực hiện tốt mọi nhiệm vụ Đảng, Nhà nước giao phó. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là những người trực tiếp truyền tải đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước tới nhân dân, cho nên phải đảm bảo về chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị, đạo đức, lối sống, kỹ năng, ... Việc vận dụng tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong tình hình mới đòi hỏi Đảng uỷ, Ban giám hiệu Nhà trường, đội ngũ giảng viên, viên chức và người lao động không ngừng nỗ lực phấn đấu thực hiện nhiệm vụ, triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ tỉnh uỷ giao và cùng nhau xây dựng tỉnh

Lâm Đồng ngày càng phồn vinh, giàu đẹp, góp phần xây dựng đất nước ta ngày càng phát triển./.

---

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.5, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.267.

2. Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.5, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.237.

3. Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.5, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.273.

4. Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.6, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.208.

5. Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.370.

6. Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.6, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.363.

7. Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.5, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.312.

8. Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.5, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.313.

9. Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.6, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.356.

10. Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.11, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.96.

**\* Giảng viên khoa Nhà nước và pháp luật**

**TÌM HIỂU VỀ PHONG CÁCH BÁC HỒ KHI ĐẾN CƠ SỞ  
VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI NGƯỜI CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN  
HIỆN NAY**

*Chu Thị Thu Trang\**

**Trong cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, việc đến các cơ sở, về với Nhân dân, vận động Nhân dân đối với Người là một việc làm rất quan trọng. Và bài học về phong cách Bác Hồ khi đến cơ sở, vận động Nhân dân có giá trị rất sâu sắc đối với công tác dân vận của mỗi người cán bộ, đảng viên hiện nay.**

Khi nhắc đến Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhắc đến vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam. Người là tấm gương sáng về chân dung của một vị lãnh tụ của Nhân dân, vì Nhân dân. Người có phong cách sống rất bình dị và gần gũi; mặc dù bận rộn với rất nhiều công việc, nhưng Người luôn dành thời gian để đi về cơ sở, về với Nhân dân và vận động quần chúng nhân dân. Đối với Bác Hồ thì “đến với dân như sự sống cần đến không khí”<sup>(1)</sup>, chính vì lẽ đó nên về với cơ sở, với nhân dân là điều kiện quan trọng để Người có thể kiểm tra kết quả việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, của Nhà nước giúp Đảng ta kịp thời có biện pháp bổ sung, điều chỉnh các chủ trương, chính sách nhằm đạt đến sự thống nhất trong hành động, để “ý đảng hợp lòng dân”. Tác phong sâu sát, tỉ mỉ, cụ thể, thiết thực của Người khi về cơ sở, vận động quần chúng nhân dân để lại những bài học có ý nghĩa to lớn đối với mỗi người cán bộ, đảng viên. Và để tăng cường mối quan hệ mật thiết của Đảng với nhân dân thì mỗi người cán bộ, đảng viên cần học tập và xây dựng tác phong về với cơ sở, vận động quần chúng nhân dân theo tấm gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Theo một thống kê chưa đầy đủ, chỉ tính trong vòng 10 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội

ở miền Bắc (từ 1955-1965), mặc dù tuổi đã cao nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có trên 700 lượt đi thăm các địa phương, công trường, xí nghiệp, hợp tác xã, đơn vị bộ đội. Tính ra, mỗi năm có hơn 60 lần Người đi xuống cơ sở, mỗi tháng khoảng 6 lần Người gặp gỡ quần dân mình<sup>(2)</sup>. Người đã không quản đường xa, đi lại khó khăn, gian khổ để đi từ miền núi đến hải đảo để thăm hỏi chiến sĩ, đồng bào, đến tận các địa phương để xem xét tình hình, kiểm tra công việc...

Qua mỗi câu chuyện về những lần Bác Hồ xuống cơ sở, vận động quần chúng nhân dân đã làm cho mỗi người trong chúng ta được nghe thấy đều thấm cảm phục phong cách của một người lãnh đạo mẫu mực, người “công bộc” hết mực trung thành của nhân dân, rất đỗi tự nhiên và bình dị. Đối với Người, mọi nghi lễ đều không cần thiết, vì thế Người không bao giờ báo trước những chuyến đi đến cơ sở của mình. Người muốn biết thực chất tình hình chứ không phải chỉ đọc được từ báo cáo, do vậy, dù rất bận rộn với nhiều công việc nhưng Người luôn dành thời gian để xuống tận các cơ sở, về với nhân dân và vận động quần chúng nhân dân.

Trong những lần Bác xuống cơ sở, về thăm đồng bào đã làm nên một phong cách Hồ Chí Minh thấm đậm tình quân, dân; phong cách một nhà lãnh đạo của quần chúng nhân dân: Len lỏi theo đường rừng, Bác ra đến mặt trận biên giới để thăm hỏi, động viên chiến sĩ; lúc thì Bác đứng ở điểm cao quan sát, khi thì vào trong một lán lợp cỏ tranh... Bác không chỉ là người chỉ huy cao nhất của mặt trận mà còn như là một người lính xông pha trận mạc cùng

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

đồng cam cộng khổ với bộ đội ta; Ra cánh đồng, Bác cùng bà con nông dân cày bừa, tát nước, gặt hái, dạy bà con cách chọn giống, bón phân tưới nước... làm sao cho lúa lên xanh, béo đồng, sai hạt; Vào xưởng máy thì Bác đến xem nơi ăn, chốn ở, nhà vệ sinh trước rồi mới ra hội trường nói chuyện. Từng lời nói của Bác rất nhẹ nhàng, gần gũi nhưng cũng đầy thuyết phục đã trở thành phương châm hành động đối với mỗi người chiến sĩ, công nhân và người nông dân. Bác còn vào tận rừng sâu hay dự những lớp học ngay trên mặt trận, các lớp học từ vỡ lòng, bổ túc văn hóa đến lớp bồi dưỡng cán bộ; Bác trả lời từng câu hỏi, căn dặn từng vấn đề phải lưu ý trong giáo dục con người... Phong cách Hồ Chí Minh còn thể hiện ngay cả trong những chuyến Người về thăm quê hương sau nhiều năm xa cách, những lần trở chưa được vào thăm đồng bào miền Nam ruột thịt; những lần thăm hỏi đồng bào khi Tết đến, xuân về khắp mọi miền Tổ quốc từ Cao Bằng, Hưng Yên, Quảng Ninh cho đến Thủ đô Hà Nội, đến đâu Người cũng đặc biệt quan tâm thăm hỏi các cụ già, chuẩn bị quà cho các em nhỏ...

Qua những chuyến đi về cơ sở, về với nhân dân của Bác, chúng ta thấy những cách biệt về cấp bậc, chức vụ giữa người lãnh tụ và quần chúng nhân dân đã được cởi bỏ, chỉ có sự thân tình, niềm nở và tự nhiên như người cha về với các con; như người thân về với gia đình. Những chuyến đi cơ sở của Người đã để lại những hình ảnh rất tự nhiên, bình dị mà có sức cuốn hút kỳ lạ: hình ảnh Người đàm chiêu trên chiến trường trong bộ áo lính; trong bộ đồ bà ba đã sờn, xắn quần lội ruộng đập nước như một lão nông; ân cần, yêu thương chia quà cho các em bé; bắt tay trò chuyện với các cụ già; bắt nhịp cho thanh niên hát bài “Kết đoàn”... Những hình ảnh đó vẫn còn mãi với thời gian, làm lay động hàng triệu triệu trái tim con người Việt Nam qua nhiều thế hệ. Và khi nói về Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị cha già đáng

kính của dân tộc Việt Nam, bạn bè thế giới đã đánh giá: “Khi chúng tôi bắt đầu nói về Việt Nam, tôi hiểu rằng Người biết từ những chi tiết nhỏ nhất trong hoạt động của đất nước. Về mỗi vấn đề Người đều có nhận định với một cách nhìn rất rộng. Tôi hiểu vì sao nhân dân kính yêu Người như vậy”<sup>(3)</sup>.

Chính sự sâu sát, tỷ mỷ, cụ thể, thiết thực khi xuống cơ sở đã tạo nên những đặc trưng riêng trong phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Từ bài học của những lần Bác Hồ đến cơ sở, chúng ta có thể đúc kết nên những yêu cầu thiết thực cần phải vận dụng trong công tác vận động quần chúng nhân dân đối với người cán bộ, đảng viên hiện nay ở những nội dung cơ bản như sau:

**Một là**, người cán bộ, đảng viên phải xây dựng tác phong quần chúng khi đến cơ sở, về với nhân dân. Nội dung này cần được quán triệt thực hiện ở những điểm cụ thể như: trước hết, tự mình phải là mực thước để xứng đáng với sự tin cậy của Nhân dân; trong giao tiếp với Nhân dân luôn giữ thái độ tin yêu, tôn trọng, lắng nghe, tiếp thu ý kiến của nhân dân; quan tâm sâu sát quần chúng, tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của quần chúng; giáo dục, lãnh đạo quần chúng đồng thời phải học hỏi quần chúng. Có như thế, người cán bộ, đảng viên mới có thể tuyên truyền, hướng dẫn, thuyết phục quần chúng tự nguyện, tự giác, tích cực tham gia thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**Hai là**, người cán bộ, đảng viên trong khi nắm bắt tình hình ở cơ sở, đời sống Nhân dân thì phải đi sâu, đi sát, điều tra nghiên cứu để hiểu rõ, xem xét, đối chiếu, so sánh để nắm vững tình hình; phong tục tập quán, đời sống kinh tế, văn hóa và những vấn đề đang nổi lên, bức xúc trong nhân dân... Muốn vậy, khi thực hiện phải có chương trình, kế hoạch công tác và kiểm tra việc thực hiện; phải sử dụng linh hoạt các hình thức, phương tiện tuyên truyền, hướng dẫn.



**Ba là**, người cán bộ, đảng viên trong lãnh đạo quần chúng phải cụ thể, kịp thời, thiết thực, có trọng điểm, nắm điển hình; cẩn thận, nhanh nhẹn, làm đến nơi, đến chốn. Đồng thời phải thường xuyên chú ý rút kinh nghiệm, kể cả kinh nghiệm thành công lẫn kinh nghiệm thất bại.

**Bốn là**, người cán bộ, đảng viên trong giao tiếp ứng xử với Nhân dân phải cởi mở, chân tình, ân cần, tế nhị nhưng cũng phải chủ động, linh hoạt để tạo nên một không khí ấm cúng, chan hòa. Điều này chỉ có thể có được khi người cán bộ, đảng viên có tình yêu thương, quý mến, tôn trọng Nhân dân, đồng thời phải luôn có tinh thần khoan dung, độ lượng để nâng cao giá trị của mỗi con người trong xã hội, hướng họ vào cuộc sống tốt đẹp hơn.

**Năm là**, trong sinh hoạt thì người cán bộ, đảng viên phải có cách sống chừng mực, điều độ, nêu cao nếp sống giản dị, thanh đạm, thanh cao, giữ kỷ luật, không tham danh lợi làm gương cho quần chúng noi theo. Trong quan hệ tiếp xúc, giải quyết công việc với Nhân dân phải thể hiện “thái độ ứng xử có văn hóa, tôn trọng, khiêm tốn, bình tĩnh, tận tình, chu đáo”; “nêu cao tinh thần trách nhiệm, không gây khó khăn, phiền hà với nhân dân”. Mỗi người cán bộ, đảng viên phải gương mẫu chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của địa phương.

**Sáu là**, người cán bộ, đảng viên phải gắn bó với tập thể, tôn trọng tập thể, phát huy sức mạnh của tập thể - tinh thần đó phải thấm sâu vào suy nghĩ và hành động của mỗi người cán bộ, đảng viên để tạo ra bầu không khí làm việc hoạt bát, phấn khởi, hăng hái, sáng tạo.

**Bảy là**, người cán bộ, đảng viên phải luôn nêu cao tinh thần, thái độ đúng đắn, xác định động cơ học tập, rèn luyện chân chính để phấn đấu; tích cực tham gia các hoạt động đoàn thể, các đợt thực tế với phương châm “cùng ăn, cùng ở, cùng làm với Nhân dân” để có nhận thức đúng đắn trong hành động, công tác của

bản thân.

Phong cách, tác phong Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn là chuẩn mực để mỗi người cán bộ, đảng viên học tập và noi theo. Bài học từ những chuyến đi về cơ sở của Người có giá trị to lớn để người cán bộ, đảng viên nâng cao hiệu quả trong nắm tình hình mọi mặt của đời sống của Nhân dân, vận động quần chúng Nhân dân, nhất là hiện nay, khi toàn Đảng ta đang sôi nổi tiếp tục thực hiện việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về “phong cách quần chúng, dân chủ, nêu gương; nêu cao trách nhiệm gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp” thì những bài học này đã góp phần nâng cao chất lượng thực hiện phong trào một cách có hiệu quả và thiết thực hơn.

Từ những bài học trong phong cách Hồ Chí Minh đã giúp mỗi người cán bộ, đảng viên hiểu rõ và sâu sắc hơn tầm quan trọng của việc xây dựng tác phong quần chúng, gắn bó sâu sát với đời sống của Nhân dân, lắng nghe Nhân dân, hiểu Nhân dân và học tập Nhân dân. Đó vừa là bản chất, vừa là điều kiện quyết định cho việc gắn bó mật thiết với nhân dân, từ đó góp phần xây dựng Đảng ta ngày càng vững mạnh. Có thể nói, tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là nguồn gốc, là nền tảng, sức mạnh, là chỗ dựa vững chắc để người cán bộ, đảng viên hoàn thành mọi nhiệm vụ và có đủ sức mạnh để bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”/.

1. Hồng Khanh, Phong cách Bác Hồ đến cơ sở, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013, tr.136.

2. Hồng Khanh, Phong cách Bác Hồ đến cơ sở, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013, tr.5.

3. Xem: Ronê Pêtorô (Tây Ban Nha): *Một anh hùng của thời đại chúng ta*, Tạp chí *Tác phẩm mới*, số tháng 6, tháng 7-1970, tr.6

**\* Giảng viên khoa Xây dựng Đảng**

**NHÌN LẠI KẾT QUẢ 10 NĂM THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH 185-QĐ/TW,  
NGÀY 3/9/2008 CỦA BAN BÍ THƯ (KHÓA X) VỀ CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ,  
TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA TRUNG TÂM BỒI DƯỠNG CHÍNH TRỊ CẤP HUYỆN  
Ở TỈNH LÂM ĐỒNG**

*ThS Liễu Văn Bảo\**

**Kết quả sau 10 năm thực hiện Quyết định 185-QĐ/TW, ngày 03/9/2008 Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa X) về “Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh”, hoạt động của các Trung tâm BDCT (Bồi dưỡng Chính trị) cấp huyện ở tỉnh Lâm Đồng đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, góp phần quan trọng vào công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể, giữ vững ổn định chính trị và thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của mỗi địa phương cũng như toàn tỉnh.**

Tỉnh Lâm Đồng hiện có tất cả 12 Trung tâm BDCT cấp huyện, hoạt động dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và thường xuyên của Ban Thường vụ cấp ủy cấp huyện, từ năm 2008 đến nay thực hiện theo Quyết định số 185-QĐ/TW của Ban Bí thư (khóa X), vị trí, chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm BDCT cấp huyện được xác định rõ

ràng, bộ máy tổ chức tiếp tục được kiện toàn, hầu hết các Trung tâm BDCT được bố trí cán bộ quản lý chuyên trách, mỗi Trung tâm có từ 4-6 biên chế. Từ năm 2017, thực hiện Kết luận số 166-KL/TU ngày 01/6/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, có 11/12 huyện, thành phố thực hiện nhất thể hóa chức danh Trưởng ban hoặc Phó ban Tuyên giáo đồng thời là Giám đốc Trung tâm BDCT cấp huyện. Đến thời điểm hiện nay, Trung tâm BDCT cấp huyện có biên chế giao động từ 3-5 đồng chí. Số cán bộ của 12 Trung tâm BDCT các huyện, thành phố tổng cộng có 54 cán bộ, trong đó có 22 cán bộ quản lý (có 11/12 cán bộ quản lý cấp trưởng là kiêm nhiệm), giảng viên chuyên trách 16, còn lại là chuyên viên, nhân viên nghiệp vụ. Đồng thời các cấp ủy đã quan tâm tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên Trung tâm BDCT các huyện, thành phố được đi đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng đạt chuẩn chức danh công đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ giảng dạy cán bộ, công chức cơ sở. Đội ngũ

giảng viên kiêm chức có từ 08-12 đồng chí/Trung tâm, hầu hết đạt trình độ cử nhân, cao cấp lý luận chính trị, đang giữ các chức vụ lãnh đạo quản lý tại địa phương, có trình độ, uy tín, tâm huyết, am hiểu sâu sắc về các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, có năng lực và phương pháp truyền đạt tốt để giảng dạy tại các lớp bồi dưỡng Chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, góp phần quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng tại các Trung tâm BDCT hiện nay.

Về công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị và nghiệp vụ cho cán bộ, đảng viên ở trên địa bàn được các Trung tâm BDCT thực hiện có hiệu quả, đảm bảo đúng tiến độ, kế hoạch đề ra, cụ thể từ năm 2008 đến nay các Trung tâm BDCT cấp huyện đã trực tiếp tổ chức và phối hợp tổ chức mở được 4.246 lớp với 401.150 lượt học viên là cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, cán bộ các thôn, buôn, tổ dân phố... tham gia học tập, đạt trên 98% kế hoạch giao

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

hàng năm, trong đó nổi bật các lớp sau: 356 lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng với 29.490 lượt học viên; 227 lớp bồi dưỡng đảng viên mới với 16.631 đảng viên; 161 lớp bồi dưỡng bí thư chi bộ và cấp ủy viên cơ sở với 16.045 cán bộ, đảng viên; 50 lớp chương trình sơ cấp lý luận Chính trị với 4.259 cán bộ, đảng viên. Ngoài ra, các Trung tâm BDCT cấp huyện còn phối hợp với Ban Tuyên giáo các huyện, thành ủy và các ban, ngành, đoàn thể liên quan tổ chức tốt các đợt học tập, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, tổ chức nói chuyện thời sự, thông tin về tình hình kinh tế - xã hội... góp phần nâng cao nhận thức về lý luận chính trị, nghiệp vụ và cập nhật thông tin cho cán bộ, đảng viên và đội ngũ tuyên truyền viên ở cơ sở. Bên cạnh số lớp mở được, các Trung tâm BDCT đã vận dụng phương pháp dạy - học tích cực, ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy góp phần làm cho bài giảng thêm sinh động, phong phú, hấp dẫn người học. Ngoài ra, các Trung tâm BDCT còn chú trọng tăng cường dự giờ, thao giảng, quan tâm lưu trữ hồ sơ chuyên môn, giáo án và giảng viên tham gia hội thi giảng viên giỏi góp phần thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị ở cơ sở.

Về tình hình cơ sở vật chất và trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho hoạt động dạy và học tại các Trung tâm BDCT cơ bản đáp ứng yêu cầu. 12/12 Trung tâm BDCT cấp huyện trong toàn tỉnh đã có cơ sở riêng, khá khang trang; hầu hết có hội trường từ 150-300 chỗ ngồi, có ít nhất 01 phòng học từ 60-100 chỗ ngồi để có thể cùng lúc mở được ít nhất 02 lớp trong cùng thời điểm, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục lý luận chính trị tại địa phương.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động của các Trung tâm BDCT trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng cũng gặp không ít khó khăn, bất cập như: Cơ quan chủ quản không rõ ràng, chồng chéo dẫn đến không thống nhất trong công tác lãnh đạo, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ và tổ chức hoạt động tại Trung tâm; Nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng còn chậm đổi mới, trùng lặp, thiếu tính liên thông, tài liệu giáo dục lý luận chính trị không được bổ sung, cập nhật kịp thời theo nội dung các kỳ đại hội Đảng, hội nghị Trung ương Đảng; Chất lượng đội ngũ giảng viên chuyên trách của các Trung tâm BDCT còn hạn chế, chưa đảm bảo tỷ lệ giảng viên trực tiếp đứng lớp, đội ngũ giảng viên kiêm chức luôn có sự biến động, chỉ một

số ít đầu tư thời gian cho nghiên cứu tài liệu và nâng cao chất lượng bài giảng; Ý thức tu dưỡng và rèn luyện, nâng cao trình độ lý luận chính trị, nghiệp vụ của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa cao, còn ngại đi học, tham gia học tập chưa nghiêm túc, chưa tích cực vận dụng lý luận và nghiệp vụ vào thực tiễn để nâng cao hiệu quả công tác; Cơ sở vật chất, diện tích xây dựng các hạng mục công trình, trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập, sinh hoạt ở một số Trung tâm BDCT tuy cơ bản đáp ứng yêu cầu nhưng chưa đồng bộ, thiếu phòng học, phòng ăn, thư viện, phòng nghỉ cho giáo viên và học viên, trang thiết bị dạy và học còn thiếu, lạc hậu.

Từ thực tiễn tổng kết 10 năm thực hiện Quyết định 185-QĐ/TW, ngày 03/9/2008 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh ở Lâm Đồng, nhằm phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những hạn chế bất cập cần thực hiện tốt nhiệm vụ và giải pháp sau:

*Một là*, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương, nhất là cấp huyện đối với tổ chức và hoạt động của các trung tâm Chính trị. Cấp ủy



## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

các cấp cần đẩy mạnh quán triệt, tuyên truyền về thực hiện Kết luận 66-KL/TW, ngày 8/11/2019 của Ban Bí thư về tổng kết việc thực hiện Quyết định 185-QĐ/TW và Quy định 208-QĐ/TW, ngày 8/11/2019 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trung tâm chính trị cấp huyện. Đề từ đó thống nhất cao về vai trò, nhiệm vụ, tầm quan trọng của trung tâm Chính trị trong tình hình mới. Từ đó, tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, mà trọng tâm là hiệu quả việc học tập lý luận Chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, phương pháp làm việc của đội ngũ cán bộ cơ sở, đặc biệt là công chức xã, phường, thị trấn, thống nhất việc rèn luyện, học tập, bồi dưỡng lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ của học viên tại trung tâm Chính trị với việc sử dụng, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ ở địa phương, đơn vị.

*Hai là*, Ban thường vụ cấp ủy cấp huyện đổi tên “trung tâm bồi dưỡng Chính trị cấp huyện” thành “trung tâm Chính trị cấp huyện”. Kien toàn tổ chức và hoạt động của trung tâm Chính trị bảo đảm sự thống nhất về chức năng, nhiệm vụ, đồng bộ về cơ cấu tổ chức bộ máy, có chế độ, chính sách đãi ngộ tốt để thu hút cán bộ, giảng viên giỏi.

*Ba là*, tiếp tục đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập và phương pháp đánh giá kết quả học tập theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học, lấy người học làm trung tâm, người học tham gia tích cực vào quá trình đào tạo, giúp học viên nâng cao kiến thức, khả năng vận dụng giải quyết tình huống thực tiễn. Đồng thời bồi dưỡng những kiến thức, kỹ năng cần thiết nhằm tiếp tục chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị ở cơ sở.

*Bốn là*, xây dựng quy chế phối hợp giữa trung tâm Chính trị với các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cấp huyện trong thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị. Tăng cường sự gắn kết giữa Ban tuyên giáo, trường Chính trị với các trung tâm bảo đảm thực hiện thống nhất và kịp thời liên thông các nội dung có liên quan đến công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên nói chung và hoạt động, công tác của các trung tâm nói riêng, theo chức năng, thẩm quyền.

*Năm là*, cấp ủy, chính quyền các huyện, thành phố chỉ đạo rà soát lại các nhu cầu cần thiết, ưu tiên đầu tư, bảo đảm đồng bộ về cơ sở vật chất theo hướng hiện đại, bố trí đủ biên chế giảng viên và kinh phí hoạt động nhằm

nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm chính trị./.

1. Ban Bí thư: Số 185-QĐ/TW, ngày 3/9/2008 về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

2. Ban Bí thư: Số 66-KL/TW, ngày 8/11/2019 về tổng kết việc thực hiện Quyết định số 185-QĐ/TW, ngày 3/9/2008 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh

3. Ban Bí thư: Số 208-QĐ/TW, ngày 8/11/2019 về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trung tâm chính trị cấp huyện.

4. Ban Tuyên giáo Trung ương: Số 343-BC/BTGTW, ngày 01/8/2019 về tổng kết thực hiện Quyết định 185-QĐ/TW, ngày 3/9/2008 về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

5. Tỉnh ủy Lâm Đồng: Số 302-BC/TU, ngày 11/9/2019 về tổng kết thực hiện Quyết định 185-QĐ/TW, ngày 3-9-2008 về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

*\* Giảng viên khoa Xây dựng Đảng*

**NHẬN DIỆN NGUỒN GỐC, BẢN CHẤT CỦA ÂM MƯU  
“DIỄN BIẾN HÒA BÌNH” TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NGUYÊN HIỆN NAY**

*ThS Đinh Công Tuyển\**

Tây Nguyên là địa bàn chiến lược, có nhiều đồng bào dân tộc, tôn giáo cùng chung sống, là nơi các thế lực thù địch lợi dụng làm địa bàn chống phá cách mạng nước ta bằng nhiều âm mưu, thủ đoạn. Một trong những tổ chức lực lượng khủng bố nổi cộm chính là FULRO. Vậy, nhận diện nguồn gốc của âm mưu “diễn biến hòa bình” nói chung và thủ đoạn của tổ chức FULRO xuất hiện từ đâu, bản chất của chúng thế nào, đặc biệt là những hậu quả chúng gây ra trong đồng bào Tây Nguyên là những vấn đề mà chúng ta cần làm rõ trong giai đoạn hiện nay ở cách mạng Việt Nam.

Nhận thức chung về âm mưu “Diễn biến hòa bình”

“Diễn biến hòa bình” là chiến lược của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế thực hiện dưới một phương thức mới, thủ đoạn mới, phi quân sự để chống phá, đẩy lùi và đi tới xóa bỏ chủ nghĩa xã hội. Thuật ngữ “diễn biến hòa bình” xuất hiện lần đầu trong đời sống chính trị thế giới vào năm 1949. Ngoại trưởng Mỹ lúc đó là Dean Aikison, trong một bức thư gửi Tổng thống Truman đã sử dụng khái niệm “diễn biến hòa bình” để chỉ sự chuyển hóa các nước xã hội chủ nghĩa thành tư bản chủ nghĩa. Âm mưu “Diễn biến hòa bình” tiếp tục được bổ sung và hoàn chỉnh thành chiến lược vào cuối thập niên 80 của thế kỷ XX.

Mục tiêu chủ yếu của âm mưu “Diễn biến hòa bình” mà các thế lực thù địch thực hiện đối với nước ta là: tuyên truyền xuyên tạc nhằm loại bỏ chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ

Chí Minh, loại bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng đối với xã hội; lợi dụng quan hệ kinh tế để xâm nhập, gây sức ép nhằm từng bước chuyển hóa Việt Nam theo chế độ tư bản chủ nghĩa; tăng cường truyền bá văn hóa, lối sống thực dụng phương Tây, xuyên tạc, phủ nhận các giá trị văn hóa, đạo đức, lối sống xã hội chủ nghĩa; lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền, tôn giáo để chống phá cách mạng; chuyển hóa lực lượng vũ trang mà trọng tâm là “phi chính trị hóa” quân đội nhân dân và công an nhân dân; phá hoại đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa trong quan hệ quốc tế của ta...

Trước năm 1975 chúng dùng bạo lực để xâm lược nhưng hoàn toàn thất bại. Giai đoạn 1 từ sau 1975 – 1995, bằng nhiều biện pháp khác nhau, chúng thực hiện bao vây cấm vận Việt Nam. Từ 1995 đến nay, các thế lực thù địch lấy chống phá về chính trị, tư tưởng làm hàng đầu, trong đó lấy kinh tế là mũi nhọn, đột phá. Chúng cũng lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo làm ngòi nổ, dùng ngoại giao hỗ trợ, hậu thuẫn; dùng quân sự răn đe, sẵn sàng can thiệp...

Nguồn gốc, bản chất và những thủ đoạn của tổ chức khủng bố phản động FULRO đối với Tây Nguyên

Tây Nguyên gồm 5 đơn vị hành chính cấp tỉnh, với diện tích 54.451,5km<sup>2</sup>, có đường biên giới với Lào và Cam-pu-chia, có 54 dân tộc cùng sinh sống với số dân khoảng 5,7 triệu người, trong đó đồng bào các dân tộc thiểu số chiếm 33%. Trên địa bàn hiện có các tôn giáo chính: Công giáo, Phật giáo, Tin lành,

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Cao đài với gần 1.800.000 tín đồ, 3.500 chức sắc, nhà tu hành và khoảng 840 cơ sở thờ tự. Chính vì là nơi có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế, chính trị, quốc phòng và an ninh; do vậy các thế lực thù địch xác định Tây Nguyên là một trọng điểm để chống phá cách mạng, mà lực lượng FULRO chính là những thành phần điên cuồng nhất, đã xuất hiện từ khá lâu.

Khởi đầu của lực lượng FULRO là "Phong trào BaJaRaKa" (Bahnar, Jarai, Rhadé (Ê-đê) và Kaho), được khởi xướng từ năm 1957 và chính thức thành lập tháng 9/1958. Sau Hiệp định Geneva năm 1954, Mỹ thay chân Pháp ở Việt Nam và dựng Ngô Đình Diệm làm Tổng thống Việt Nam Cộng hòa. Ngay sau khi nắm quyền, Diệm đã thay đổi hàng loạt chính sách với Tây Nguyên: xóa bỏ quy chế "hoàng triều cương thổ", "tòa án phong tục", sáp nhập những đơn vị người Thượng vào quân đội quốc gia và đưa đi phân tán... Từ đó đã phát sinh mâu thuẫn trong quan hệ dân tộc và phản ứng với chính sách, âm mưu "Đồng hóa", "Diệt chủng" của Diệm. Mục tiêu của phong trào BaJaRaKa là đòi thành lập quốc gia riêng cho các dân tộc thiểu số Tây Nguyên, chống lại chính quyền Ngô Đình Diệm, nhưng nhanh chóng bị chính quyền Diệm bắt, bỏ tù. Tháng 3/1964, sau khi được thả, các thủ lĩnh phong trào này tiếp tục thành lập: "Mặt trận dân tộc giải phóng dân tộc cao nguyên" (Front de Liberation des Hauts Plateaux Montagnards – FLHPM), xin trực tiếp nhận viện trợ từ Mỹ. Chính quyền Sài Gòn đưa quân đàn áp, bọn FLHPM chạy sang Cam-Pu-Chia. Những năm 1960, ở Campuchia xuất hiện: "Mặt trận giải phóng Miền hạ"- (Front de Liberation du Kampuchia Krom – FLKK), "Mặt trận giải phóng xứ Chăm" (Front de Liberation du Chăm - FLC). Ngày 25/6/1965, tại Phnôm -Pênh chúng mở: "Hội nghị nhân dân Đông Dương lần thứ nhất" và đã sáp nhập FL-HPM, FLC và FLKK thành: "Mặt trận thống

nhất giải phóng các dân tộc bị áp bức" (Front Unifié de Libération des Races Opprimées - FULRO, Lây 20/9 kỷ niệm), tiếp tục thực hiện các hành động đòi yêu sách cho vùng Tây Nguyên

Sau năm 1975, khi đất nước được thống nhất, FULRO tiếp tục thể hiện là một tổ chức phản động do những thế lực thù địch giật dây, mưu đồ chống phá chính quyền cách mạng Việt Nam. Từ năm 1975 đến 1991 là thời kỳ chúng hoạt động tàn bạo, phức tạp nhất như tấn công vũ trang, bắn phá, đốt nhà, cướp bóc, bắt cóc và giết hại dân lành, gây căm phẫn trong nhân dân các tỉnh Tây Nguyên. Năm 1985, lực lượng FULRO cơ bản bị đánh bại và tan rã, số còn lại chạy sang Cam-pu- chia. Khi UNTAC vào Campuchia, tháng 12/1992 toàn bộ FULRO còn lại gồm 407 tên hàng UNTAC và nộp vũ khí được đi định cư ở Colorado – Mỹ, sau đó chúng tiếp tục hoạt động với hình thức tuyên truyền, vận động thành lập tổ chức mới của người Thượng ở nước ngoài.

Cuối năm 1999, Ksor Kok tuyên bố thành lập "Nhà nước Êđê Ga", tự xưng là: "Tổng thống Nhà Nước Êđê Ga độc lập". Trong giai đoạn này thế lực thù địch ở Mỹ tài trợ, chỉ đạo thúc đẩy các hoạt động chống phá cách mạng Việt Nam, kích động, lừa gạt, ép buộc bà con biểu tình, gây rối. Cuộc bạo loạn tháng 2-2001 xảy ra tại 3 tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk và Kon Tum. Ngày 2-2-2001, tại tỉnh Gia Lai, có khoảng 8.000 người từ 8 huyện và thành phố Pleiku đã tụ tập kéo về thành phố Pleiku, mang theo gạch, đá, cuốc, xẻng để tấn công vào lực lượng thi hành công vụ nếu bị ngăn cản và hô các khẩu hiệu chống chế độ, đòi thả những tên bị bắt. Cuộc bạo loạn tháng 4-2004 diễn ra ở một số địa phương của 3 tỉnh: Gia Lai, Đắk Lắk và Đắk Nông. Trong hai ngày (10 và 11-4-2004), bọn phản động đã huy động được khoảng hơn 9.000 người tham gia biểu tình, bạo loạn (Đắk Lắk: 4.800, Gia Lai: 4.000, Đắk Nông: 300). So với cuộc



## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

bạo loạn năm 2001, cuộc bạo loạn lần này có số người tham gia đông hơn và có tính chất nghiêm trọng, mạnh động hơn. Những người tham gia biểu tình đã hô khẩu hiệu đòi độc lập, đòi người Kinh phải trả lại đất cho người dân tộc, đòi tự do tôn giáo, đòi thả hết những người bị bắt và kêu gọi quốc tế ủng hộ “Nhà nước Ê-đê Ga”; một số phần tử đã có những hành động quá khích như gây rối trật tự công cộng, chống người thi hành công vụ, phá hoại công trình công cộng và tài sản nhà nước...

Được sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thủ tướng Chính phủ, các Đảng bộ, chính quyền các tỉnh Tây Nguyên đã xác định công tác phòng chống biểu tình, bạo loạn và vượt biên trái phép là một nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên. Các tỉnh xảy ra biểu tình, bạo loạn đã kịp thời ban hành các chỉ thị, nghị quyết về công tác này: Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai ra Chỉ thị số 01-CT/TU, ngày 07-02-2001 Về phòng và chống bạo loạn; Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 07-10-2002 Về việc lãnh đạo địa phương sang tình trạng khẩn cấp và chống bạo loạn lật đổ; Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đắk Lắk ra Chỉ thị số 01-CT/TU, ngày 27-02-2001 Về tăng cường công tác đảm bảo an ninh - trật tự... Đặc biệt, thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg, ngày 01-5-2004 của Thủ tướng Chính phủ Về đấu tranh xóa bỏ tổ chức phản động FULRO trên địa bàn Tây Nguyên, các bộ, ngành chức năng phối hợp với các tỉnh Tây Nguyên tăng cường, bố trí lại lực lượng, lập các tổ chuyên trách phòng, chống FULRO. Nhờ vậy, chỉ sau một thời gian ngắn, chúng ta đã dẹp tan được lực lượng cầm đầu, nhanh chóng ổn định tình hình. Từ năm 2001 đến năm 2010, bọn phản động FULRO đã chỉ đạo, kích động trên 130 đợt biểu tình, bạo loạn nhưng hầu hết đã bị phát hiện, ngăn chặn, vô hiệu hóa. Lực lượng chức năng đã lập nhiều chuyên án, liên tục tổ chức truy bắt, vận động, gọi hàng. Đến giữa năm 2009 đã giải quyết xong số FULRO lẫn trốn ra rừng

(gần 400 tên); ngăn chặn ý đồ hình thành lực lượng vũ trang, gây nổ, khủng bố. Phát hiện, đấu tranh xóa 395 khung tổ chức FULRO và 299 khung tổ chức “Tin lành Ê-đê Ga” các cấp; bóc gỡ, xử lý gần 14.200 đối tượng tham gia hoạt động FULRO (khoảng 3.100 đối tượng cốt cán, cầm đầu)<sup>(1)</sup>

Hiện nay ở Tây Nguyên tình hình kinh tế - xã hội đã có bước phát triển khá. Kinh tế các địa phương có tốc độ tăng trưởng 6 tháng năm 2019 đạt cao so với bình quân chung cả nước. Tốc độ tăng trưởng GRDP 6 tháng năm 2019 của vùng Tây Nguyên đạt 7,3%, dự báo năm 2019 tốc độ tăng trưởng đạt 8,5%. Cùng với đó, quốc phòng, an ninh cơ bản được chú trọng giữ vững. Tuy nhiên, trong vùng vẫn còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp; đặc biệt, sau khi bị thất bại, các phần tử còn lại của tổ chức FULRO bỏ chạy ra các quốc gia lân cận, tiếp tục lôi kéo, kích động một bộ phận đồng bào chống phá cách mạng; triệt để lợi dụng những vấn đề về dân tộc, tôn giáo ở Tây Nguyên để chống phá Đảng và Nhà nước, lợi dụng sự phát triển của Internet, mạng di động để liên lạc, tuyên truyền lừa bịp gây chia rẽ đoàn kết dân tộc... Đây là những vấn đề chúng ta cần tiếp tục nhận diện một cách đầy đủ để phòng ngừa và kịp thời đấu tranh ngăn chặn bằng các giải pháp cụ thể là:

Thứ nhất, đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, vận động: Cán bộ, đảng viên cần sát dân, tìm hiểu và nắm tâm tư, nguyện vọng của dân; kết hợp giữa tuyên truyền vận động tập trung với phân tán; tăng thời lượng các buổi phát thanh bằng tiếng dân tộc với nội dung đơn giản, ngắn gọn, dễ hiểu, dễ tiếp thu phù hợp với trình độ của đồng bào dân tộc thiểu số. Đa dạng hóa các cách thức vận động, thuyết phục đồng bào các dân tộc có đạo nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương; đồng thời, giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp

của các dân tộc.

Thứ hai, chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc, tôn giáo: Các cấp, các ngành cần triển khai có hiệu quả các chủ trương, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, xóa mù chữ; giải quyết tốt tình trạng tranh chấp đất đai, đẩy nhanh tiến độ giao đất, khoán rừng, tổ chức lại sản xuất cho đồng bào các dân tộc thiểu số, tạo việc làm ổn định, giúp đồng bào an cư lạc nghiệp. Đồng thời, đẩy mạnh cuộc vận động định canh, định cư, tăng cường cán bộ khuyến nông, khuyến lâm hướng dẫn đồng bào áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, chuyển đổi ngành nghề, phát triển chăn nuôi, trồng trọt, nâng cao thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống để đồng bào yên tâm xây dựng cuộc sống lâu dài, nhất là ở các huyện miền núi, biên giới.

Thứ ba, tăng cường và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về dân tộc, tôn giáo. Thường xuyên chủ động, nắm chắc tình hình hoạt động của các tôn giáo, tạo điều kiện cho các chức sắc, chức việc, tín đồ hoạt động tôn giáo theo khuôn khổ pháp luật. Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện ở các cấp, ban, ngành, đoàn thể để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh các biểu hiện vi phạm pháp luật trong thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo.

Thứ tư, củng cố và xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh: Cấp ủy, chính quyền các địa phương cần có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên là người dân tộc thiểu số tại chỗ; đồng thời tăng cường cán bộ có năng lực, phẩm chất đạo đức cho cơ sở ở vùng dân tộc thiểu số, vùng tôn giáo, nhất là ở những địa bàn trọng điểm, v.v. Cán bộ công tác ở vùng dân tộc, tôn giáo phải biết tiếng dân tộc, am hiểu phong tục, tập quán, tôn giáo của đồng bào; thực hiện tốt phong cách dân vận “trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, có trách nhiệm với dân”; không quan liêu, tham nhũng. Quan tâm phát huy vai trò tích cực

của các già làng, trưởng bản, người có uy tín trong các dân tộc, các chức sắc tôn giáo; đổi mới công tác dân vận ở vùng dân tộc, tôn giáo theo phương châm: chân thành, tích cực, thận trọng, kiên trì, tế nhị, vững chắc.

Thứ năm, thường xuyên chăm lo xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân: Đẩy mạnh phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc; chủ động phòng, chống có hiệu quả các hoạt động tình báo, gián điệp của địch, giữ vững ổn định chính trị. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong hệ thống chính trị phát huy vai trò, luôn sâu sát, nắm chắc tư tưởng của quần chúng, vận động họ tích cực thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương, nâng cao trách nhiệm công dân trong xây dựng và phát triển Tây Nguyên ngày càng giàu, mạnh.

Thời gian gần đây, khi Đảng ta đang chuẩn bị và tổ chức Đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, các thế lực thù địch càng đẩy mạnh thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình” một cách toàn diện, trong đó tập trung vào các vùng trọng điểm như Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ... Đặc biệt, trên địa bàn Tây Nguyên, chúng vẫn đang thực hiện nhiều âm mưu nhằm gây mất ổn định chính trị, bạo loạn lật đổ, ly khai... Vì thế, chúng ta cần tiếp tục nêu cao cảnh giác, nhận diện chính xác, dự báo đầy đủ, kịp thời tình hình để đề ra chủ trương, giải pháp thiết thực, hiệu quả, nhằm đánh bại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch./.

---

1. Ban Chỉ đạo Tây Nguyên (2011), Báo cáo số 07-BC/BCĐTN Tổng kết Nghị quyết 10-NQ/TW ngày 18-01-2002 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên thời kỳ 2001-2010, ngày 20-4-2011, Buôn Ma Thuột.

*\* Giảng viên khoa Lý luận cơ sở*

**ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN XÂY DỰNG  
PHẦN MỀM QUẢN LÝ ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

*ThS Đoàn Quang Duy Tuấn\**

**Trong giai đoạn hiện nay, việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động của bộ máy hành chính là một xu thế tất yếu. Hoạt động quản lý đào tạo tại các trường Chính trị tỉnh cũng không nằm ngoài xu thế này. Nhằm hình thành phương thức quản lý khoa học, hiện đại cùng mong muốn góp phần ngày càng nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả của công tác quản lý đào tạo, xây dựng trường học phát triển, ngày 2/12/2019 trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng đã nghiệm thu và đưa vào sử dụng Phần mềm quản lý đào tạo tại trường.**

Công nghệ thông tin ngày càng đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của xã hội trong thời đại ngày nay. Việc nhanh chóng đưa ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình tự động hóa trong mọi lĩnh vực của cuộc sống là vấn đề luôn được quan tâm bởi các tính năng và hiệu quả từ các ứng dụng của công nghệ thông tin mang lại.

Sự xuất hiện và ứng dụng rộng rãi CNTT trong mọi lĩnh vực của đời sống từ kinh tế, văn hóa cho đến các hoạt động hành chính đã góp phần đẩy nhanh và mạnh hơn nữa việc hình thành nền kinh tế tri thức ở Việt Nam. Với việc xác định nền kinh tế tri thức là nền kinh tế trong đó sự sản sinh, truyền bá sử dụng tri thức là động lực chủ yếu nhất của sự tăng trưởng để tạo ra của cải, việc làm cho tất cả các ngành kinh tế, chúng ta càng thấy rõ và khẳng định động lực tiên quyết của nền kinh tế tri thức phải là CNTT. Việc ứng dụng và phát triển CNTT ở nước ta đã góp phần giải phóng sức mạnh vật chất, trí tuệ và tinh thần, thúc đẩy công cuộc đổi mới toàn diện mọi mặt của xã hội. Bên cạnh đó, thông qua các ứng dụng của

CNTT, hiệu quả và năng suất lao động của con người chúng ta cũng được nâng lên. Trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng với chức năng được Tỉnh ủy, UBND tỉnh giao thực hiện nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức tỉnh nhà về chuyên môn nghiệp vụ, đặc biệt là chương trình trung cấp Lý luận chính trị - Hành chính. Trong những năm qua, số lượng lớp và học viên của Trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng ngày càng mở rộng. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chính là đào tạo trung cấp Lý luận chính trị - Hành chính, nhà trường rất chú trọng quan tâm tới nội dung và quy trình quản lý đào tạo. Tuy nhiên, việc thực hiện các nghiệp vụ này trong suốt quá trình đào tạo tại trường chủ yếu bằng thủ công có sự hỗ trợ của máy tính đã bộc lộ nhiều khó khăn, hạn chế như sau:

- Do các nghiệp vụ thực hiện thủ công là chủ yếu nên hiệu quả chưa cao, thiếu sự kết nối giữa các bộ phận phòng ban trong trường.
- Chi phí văn phòng phẩm cho các nghiệp vụ quản lý đào tạo của trường lớn, gây lãng phí (in ấn, hồ sơ lưu ở nhiều đầu mối ...).
- Việc ứng dụng CNTT chủ yếu là sử dụng phần mềm Microsoft Word, Microsoft Excel nên số liệu nhiều khi không chính xác, mẫu biểu đào tạo không thống nhất giữa các cá nhân cùng được giao làm nhiệm vụ quản lý đào tạo. Tốn thời gian và nhân sự khi cần thống kê số liệu đào tạo toàn trường do phải thực hiện thống kê bằng tay, số liệu nằm rải rác ở các máy tính cá nhân...
- Khi muốn truy xuất thông tin, kết quả học tập của học viên, cấp giấy chứng nhận, quản lý cấp bằng... phải tra cứu nhiều sổ sách, liên quan đến nhiều cá nhân phụ trách quản lý khác nhau.



## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Tất cả những vấn đề này mang lại hiệu quả quản lý đào tạo không cao và khó tránh một số sai sót. Bên cạnh đó cũng thể hiện tính thiếu hiện đại, chuyên nghiệp so với sự phát triển của xã hội hiện nay. Nhận thấy rõ những tồn tại này, nhằm khắc phục và hiện đại hóa môi trường làm việc, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác quản lý đào tạo, xây dựng trường học phát triển, Ban Giám hiệu nhà trường trong những năm qua luôn đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học tại trường thông qua các đề tài nghiên cứu mang tính giải pháp và đặc biệt là đề tài mang tính ứng dụng “*Xây dựng phần mềm quản lý đào tạo*” được triển khai trong năm 2019 do Th.S Phạm Hữu Hải - Trưởng phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu - làm chủ nhiệm đề tài và các cộng sự thực hiện đã thực sự mang lại hiệu quả cao khi đưa vào sử dụng sau khi nghiệm thu vào ngày 02/12/2019.

Phần mềm quản lý đào tạo được nhóm tác giả xây dựng trên nền tảng công nghệ hiện đại, giao diện thân thiện, dễ sử dụng, đầy đủ các tiêu chí, yêu cầu với các chức năng: quản lý hồ sơ dự tuyển, xét tuyển, gửi giấy báo nhập học, in thẻ học viên, xét điều kiện dự thi hết học phần, kết quả điểm học tập, tốt nghiệp, quản lý cấp phát văn bằng... Tất cả các nghiệp vụ này bám sát theo các quy định về đào tạo trung cấp Lý luận Chính trị - Hành chính của Quyết định số 3136/QĐ-HVCTQG ngày 14/7/2016 và Quyết định số 2252/QĐ-HVCTQG ngày 02/05/2019 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Với thiết kế giao diện thân thiện, dễ sử dụng và nâng cấp sau này, phần mềm được tích hợp với trang web của trường tạo điều kiện cho học viên dễ truy cập thông tin. Cán bộ, chuyên viên nhà trường đều được tập huấn và hướng dẫn sử dụng tạo thuận lợi khi sử dụng phần mềm như: truy xuất, nhập liệu... hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động quản lý đào tạo tại trường. Việc tin học hóa từ khâu xét tuyển sinh, quản lý toàn bộ quá trình học tập rèn luyện của học viên cũng như sự phối hợp

của các khoa phòng trong việc chấm thi, trả kết quả thi... thông qua hệ thống đã mang lại những hiệu quả sau:

- Giúp làm giảm sai sót, thống nhất về số liệu, mẫu biểu trong đào tạo do sử dụng chung cơ sở dữ liệu thông tin học viên.

- Việc thống kê các số liệu về đào tạo (số lượng học viên, kết quả học tập ...) nhanh chóng, kịp thời, giúp lãnh đạo nhà trường có những quyết định đúng đắn trong chỉ đạo xây dựng kế hoạch giảng dạy, điều phối lớp học, phòng ở ký túc xá...

- Giảm được các thủ tục giấy tờ trung gian, chi phí in ấn lưu trữ, tiết kiệm thời gian trong các khâu thông báo (nhập học, lịch học ...) cho học viên.

- Việc phân quyền trong hệ thống chặt chẽ làm giảm sai sót, nhầm lẫn trong các nghiệp vụ do có sự giám sát, kiểm tra chéo giữa các bộ phận khoa phòng trong trường.

Bước đầu áp dụng phần mềm quản lý đào tạo, đã góp phần mang lại hiệu quả và thay đổi tư duy của các cán bộ, chuyên viên Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học cũng như đội ngũ giáo viên các khoa, phòng về các hoạt động quản lý đào tạo của nhà trường, tạo được sự cộng đồng trách nhiệm chung trong toàn trường. Ngoài việc mang lại hiệu quả và góp phần tin học hóa hoạt động quản lý đào tạo của trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng, việc triển khai xây dựng và đưa phần mềm quản lý đào tạo vào sử dụng cũng thể hiện được tư duy đổi mới của lãnh đạo nhà trường trong việc đưa ứng dụng CNTT vào hoạt động của nhà trường. Qua đó góp phần nâng cao chất lượng của hoạt động quản lý đào tạo, tạo tinh thần hăng say trong các hoạt động nghiên cứu khoa học của nhà trường, khuyến khích cán bộ giảng viên nhà trường không ngừng đổi mới, sáng tạo thiết thực mang lại hiệu quả trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của nhà trường trong những năm tiếp theo./.

*\* Giảng viên khoa Lý luận cơ sở*

MỘT SỐ BƯỚC CẦN LƯU Ý TRONG SOẠN GIÁO ÁN

ThS Lưu Thị Xuân\*

**G**iao án là một bản thiết kế của một giảng viên về nội dung, kiến thức sẽ được trình bày ở một lớp cụ thể, là một công trình khoa học của cá nhân, vì được giảng viên xây dựng dựa trên cơ sở nghiên cứu của mình từ các tài liệu khoa học ở nhiều nguồn khác nhau. Cho nên, giáo án được soạn theo một chương trình quy định và được thực hiện theo quy trình chặt chẽ và nghiêm túc, công phu của người giảng viên. Trong giáo án thể hiện rõ khối lượng kiến thức cần truyền tải đến người học và phương pháp sư phạm của giảng viên. Vì vậy, muốn nâng cao chất lượng dạy và học thì điều quan trọng hơn cả là phải nâng cao chất lượng soạn giáo án của mỗi giảng viên. Để nâng cao chất lượng soạn giáo án thì yêu cầu đòi hỏi đối với mỗi giảng viên phải tích cực nghiên cứu tài liệu và kiến thức thực tế để từ đó vận dụng những kiến thức đó vào soạn giảng cho từng bài, từng môn học.

Từ thực tế giảng dạy có thể nhận thấy rằng, nếu chuẩn bị giáo án tốt thì kết quả giảng dạy sẽ đạt được hiệu quả tốt khi đứng lớp,

còn nếu chuẩn bị giáo án không tốt thì người giảng viên sẽ bị thất bại ngay trong bài giảng của mình. Đối với những giáo viên soạn giáo án một cách sơ sài, xác định mục đích yêu cầu bài giảng chưa cụ thể, nội dung kiến thức còn chưa sâu, ít có tính sáng tạo, kiến thức thực tiễn để đưa vào bài giảng chưa được nhiều, tính thuyết phục chưa cao, lựa chọn phương pháp giảng dạy chưa linh hoạt, cập nhật thông tin thiếu kịp thời...là chuẩn bị cho bài chưa thành công.

Để khắc phục những hạn chế trên, khi soạn giáo án mỗi giảng viên cần thực hiện một số bước sau đây:

**Bước 1: Chuẩn bị soạn giáo án**

Đối với bước này yêu cầu các giảng viên phải chuẩn bị các tài liệu để nghiên cứu phục vụ cho việc soạn giáo án. Đó là những tài liệu được cập nhật thường xuyên, có giá trị hiện hành. Một bài giảng có thể phải sử dụng đến rất nhiều tài liệu khác nhau như: tài liệu chính thống cho bài giảng bao gồm những tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nghị quyết của Đảng, văn bản quy phạm

pháp luật của Nhà nước, các điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, từ điển, giáo trình... Đồng thời những tài liệu tham khảo như báo, tạp chí, các sách tham khảo... Cuối cùng là những tài liệu chứa đựng những kiến thức thực tiễn như các báo cáo của các ngành, các cấp...

Khi nghiên cứu các tài liệu trên cần phải có sự phân biệt, chọn lọc để sử dụng cho phù hợp với kiến thức bài giảng. Trích dẫn tài liệu để đưa vào bài giảng cho phù hợp đảm bảo tính đúng đắn và có tính thuyết phục cao. Sử dụng kiến thức thực tế phải có tính phổ biến, có giá trị chứng minh làm sáng tỏ những kiến thức lý luận cơ bản của bài giảng. Bên cạnh đó không nên sử dụng những tài liệu chỉ đề cập tới quan niệm của cá nhân mà không rõ đúng hay sai, những kiến thức thực tế không sát với lý thuyết mình đưa ra thì tính thuyết phục không cao.

**Bước 2: Soạn giáo án**

*Thứ nhất*, phải xác định rõ mục đích của bài giảng. Mục đích của giảng viên đề ra trong giáo án phải phù hợp với mục đích chung của chương trình đào tạo, là căn

## NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

cứ để đánh giá chất lượng, hiệu quả của quá trình giảng dạy. Thông thường mỗi bài giảng thường đạt được hai mục đích cơ bản đó là giúp người học nắm vững những nội dung kiến thức lý luận và thực tiễn của bài giảng. Thông qua học tập, học viên sẽ vận dụng những kiến thức đã được học vào thực tiễn công tác. Muốn xác định rõ mục đích trên, đòi hỏi khi soạn giáo án phải nghiên cứu sâu sắc những kiến thức lý luận và thực tiễn được đề cập trong toàn bộ bài giảng, nắm vững đối tượng và nhu cầu học tập của người học.

*Thứ hai*, xác định rõ nội dung và cấu trúc của bài giảng. Nội dung và cấu trúc của bài giảng phụ thuộc vào giáo trình, cho nên khi soạn giáo án cần bám sát vào giáo trình. Tuy nhiên, cần phải có sự chuẩn bị rất kỹ của giảng viên để nội dung và cấu trúc bài giảng đáp ứng được mục đích yêu cầu và phù hợp với đối tượng của người học.

Khi soạn nội dung cần xác định rõ những vấn đề cơ bản như: kiến thức nội dung trong toàn bài, những vấn đề trọng tâm cần phân tích, các khái niệm, các vấn đề lý luận cần phải được giải thích đúng đắn. Khi đưa những kiến thức thực tiễn vận dụng vào bài giảng phải được xem xét kỹ càng, thận trọng, đảm bảo phù hợp giữa lý luận với

thực tiễn. Kiến thức thực tiễn có thể là những ví dụ hoặc là những tình huống, đều phải được soạn chi tiết, cụ thể, đảm bảo ngắn gọn, rõ ràng, chính xác. Trong khi soạn giảng, người giảng viên phải đưa ra được những câu hỏi thể hiện chi tiết trong giáo án. Về cấu trúc bài giảng về cơ bản phải theo cấu trúc trong giáo trình nhưng giảng viên cũng có thể đảo đổi cho phù hợp nếu thấy cần thiết để phù hợp hơn với đối tượng người học. Vì vậy, khi soạn bài, giảng viên phải nghiên cứu kỹ cấu trúc của giáo trình phát hiện những mục nào của giáo trình cấu trúc chưa hợp lý thì có thể sắp xếp lại cho hợp lý để đảm bảo về mặt logic của nội dung.

*Thứ ba*, lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp đối với đối tượng học viên từng lớp, cho nên khi giảng dạy giảng viên phải linh hoạt, uyển chuyển các phương pháp giảng dạy khi thì phương pháp này được sử dụng nhiều, khi phương pháp khác chiếm ưu thế để cùng nhau thúc đẩy quá trình giảng dạy đạt được mục đích của bài giảng. Có thể trong một bài giảng sử dụng nhiều phương pháp khác nhau như: giải thích, phân tích thuyết trình, nêu vấn đề, xử lý tình huống... nhưng đều phải đảm bảo sự thống nhất giữa tính khoa học và tư tưởng, sự

phối hợp giữa giảng viên và học viên để phát huy sự sáng tạo, chủ động, tích cực của học viên. Vì vậy, trong giáo án phải thể hiện rõ nội dung phương pháp giảng dạy đó.

*Thứ tư*, cách trình bày giáo án

Khi trình bày giáo án phải đảm bảo tính thẩm mỹ, trình bày rõ ràng từng phần, từng mục, từng tiểu mục và từng ý, bảo đảm tính hệ thống trong bài giảng. Nên sử dụng nhiều câu đơn giản, dễ hiểu tránh dùng những câu phức tạp, khó hiểu, mỗi vấn đề đưa ra cần phải được giải thích, phân tích rõ ràng. Khi trình bày từng phần, từng mục phải dự kiến số lượng thời gian tương ứng cần thiết giảng trên lớp. Đồng thời phải nêu rõ giảng ở phần đó, mục đó thì giảng viên sẽ sử dụng phương pháp gì. Giáo án được trình bày cụ thể, chi tiết, đầy đủ, bảo đảm thời gian giảng trên lớp, đó là điều kiện quan trọng nhất để người giảng viên chủ động, tự tin đối với bài giảng của mình.

### **Bước 3: Bổ sung hoàn chỉnh giáo án**

Sau khi thực hiện các bước trên, giảng viên phải đọc lại toàn bộ nội dung giáo án, chỉnh sửa, bổ sung từng câu, từng ý cho phù hợp. Đọc lại giáo án phải đối chiếu với giáo trình và các tài liệu sử

👉 *Tiếp theo trang 54*



**NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG CÔNG TÁC BẢO TỒN  
VÀ PHÁT HUY DI SẢN VĂN HÓA CÔNG CHIÊNG CÁC DÂN TỘC  
TÂY NGUYÊN TỈNH LÂM ĐỒNG**

*ThS Phạm Văn Biển\**

Thực hiện đường lối của Đảng về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Trong những năm qua Tỉnh ủy, Ủy Ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, đề án về bảo tồn và phát huy di sản văn hoá công chiêng các dân tộc Tây Nguyên tỉnh Lâm Đồng với mục tiêu cùng các tỉnh Tây Nguyên thực hiện kế hoạch của Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam, Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch về bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa công chiêng Tây Nguyên, góp phần làm giàu và phong phú thêm kho tàng di sản văn hóa Việt Nam. Đồng thời, tạo điều kiện tốt nhất nhằm khai thác nguồn tài nguyên nhân văn vào mục tiêu phát triển kinh tế du lịch Lâm Đồng. Thực hiện mục tiêu trên, trong những năm qua, các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể trong tỉnh đã tích cực triển khai thực hiện các kế hoạch, chương trình, đề án và đã đạt được nhiều kết quả tích cực:

Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã thực hiện tốt

công tác phối hợp với các ngành, các tổ chức đoàn thể đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhằm nâng cao nhận thức về bảo tồn và phát huy di sản văn hóa vật thể và phi vật thể trên địa bàn tỉnh, trong đó chú trọng các giá trị của không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên, giới thiệu về nguồn gốc, giá trị, nội dung của các lễ hội truyền thống đến mọi tầng lớp nhân dân bằng nhiều hình thức khác nhau như: Tuyên truyền cổ động trực quan qua hệ thống pano, băng rôn, tờ rơi, trên các trang thông tin điện tử.

Các hoạt động trao truyền văn hoá công chiêng giữa các thế hệ được tăng cường: Trong 05 thành tố của không gian văn hoá công chiêng (Công chiêng và nhạc cụ đi kèm; hệ thống bài bản; người diễn tấu; môi trường truyền thống; thời điểm), con người luôn là nhân tố trung tâm. Âm nhạc công chiêng, văn hoá công chiêng chỉ có thể được bảo tồn, phát huy và phát triển nếu những giá trị văn hoá đó được trao truyền từ thế hệ này sang thế

hệ khác. Chính vì vậy, thúc đẩy hoạt động chuyển giao giá trị văn hoá công chiêng giữa các thế hệ cư dân bản địa là một trong những mục tiêu trọng điểm được tỉnh Lâm Đồng quan tâm. Từ năm 2013 đến 2019, ngành Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã phối hợp chặt chẽ với chính quyền, đoàn thể các cấp mở được 43 lớp truyền dạy công chiêng ở các địa phương, thu hút trên 1.200 thanh thiếu niên là người đồng bào dân tộc thiểu số tham gia. Các lớp học công chiêng được tổ chức ngay trong buôn làng. Người truyền dạy là những nghệ nhân công chiêng lớn tuổi, giàu kinh nghiệm tại chỗ. Những lớp học công chiêng đã giúp các học viên cơ bản nắm bắt được những kỹ thuật diễn tấu công chiêng, đồng thời tiếp thu được những giá trị văn hoá truyền thống liên quan đến âm nhạc công chiêng.

Để tạo được môi trường sinh hoạt văn hoá hiện đại, phù hợp với các biện pháp bảo tồn và phát huy văn hoá công chiêng của cộng đồng,

## MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

hàng năm ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các ngành liên quan và các địa phương tổ chức lễ hội văn hóa Công chiêng tỉnh Lâm Đồng (nay là Ngày Hội văn hóa các dân tộc) để nhân dân, các đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn Tỉnh được giao lưu, trao đổi và học tập kinh nghiệm, tăng cường tinh đoàn kết trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam tại Lâm Đồng. Đây là hoạt động thiết thực góp phần bảo tồn, phát huy và tôn vinh giá trị văn hóa công chiêng, đồng thời khẳng định giá trị văn hóa công chiêng trong đời sống đồng bào các dân tộc bản địa Tây Nguyên.

Tỉnh đã đầu tư phục dựng nhiều nghi lễ như: Lễ Pothi (của người Churu và nhóm K'ho ở K'Long - huyện Đức Trọng), lễ Nhô Wèr (của cộng đồng K'ho Srê ở huyện Di Linh), lễ Bok Chu-bur (của cộng đồng Churu ở huyện Đức Trọng), các nghi thức cúng lúa rẫy (của người Mạ ở Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm); Lễ Nhô Rohe (Mang lúa kho) của đồng bào dân tộc Kơ Ho huyện Lâm Hà, lễ Tơm bau (lễ cưới) của người Kơ Ho tại thôn Đưng K'si xã Đạ Chais huyện Lạc Dương... nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa của bà con. Việc tổ chức, phục dựng các lễ hội trên địa bàn được thực hiện theo nguyên tắc bảo tồn có chọn lọc những phong tục, tập

quán tốt đẹp của từng cộng đồng dân cư theo hướng lành mạnh, tiến bộ và tiết kiệm; xây dựng các tiêu chí văn hóa mới phù hợp với không gian lễ hội và đời sống xã hội hiện đại. Nhờ làm tốt công tác bảo tồn mà các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể trên địa bàn tỉnh đã phát huy được hiệu quả, góp phần không nhỏ vào công tác bảo tồn, phát huy các giá trị truyền thống của đồng bào các dân tộc trong tỉnh.

Nhạc cụ công chiêng ở Lâm Đồng ngoài nguy cơ bị thất thoát về số lượng do chủ nhân mua bán hoặc trao đổi ra khỏi cộng đồng còn có một nguyên nhân tất yếu khác như: hư hỏng, vỡ, không đủ bộ, chia của .v.v. Nhằm tạo ra điều kiện cơ bản để các thôn, buôn duy trì và phát triển tốt không gian văn hoá công chiêng trong thời gian qua, tỉnh Lâm Đồng đã đầu tư, trang bị 18 bộ công chiêng và các nhạc cụ đi kèm, các điều kiện vật chất khác như: Trống, khèn, trang phục truyền thống cho các địa bàn thôn, buôn có khả năng duy trì và phát triển tốt văn hóa công chiêng để duy trì nét văn hoá công chiêng Nam Tây Nguyên. Những bộ công chiêng được trang bị cho các cộng đồng được chính những nghệ nhân của cộng đồng ấy tìm hiểu, lựa chọn và chuyển giao cho cộng đồng đang có nhu cầu, trở thành tài sản của

tập thể đội chiêng phục vụ các sinh hoạt văn hoá tại cơ sở.

Với định hướng sử dụng âm nhạc công chiêng vào hình thành sản phẩm du lịch, tỉnh Lâm Đồng đã bước đầu hỗ trợ hình thành các mô hình bảo tồn văn hóa công chiêng tại cơ sở theo hướng dịch vụ được hình thành tại địa bàn huyện Đơn Dương, huyện Đức Trọng, Đạ Huoai và huyện Lạc Dương (riêng tại thị trấn Lạc Dương có 11 điểm giao lưu và vườn Quốc gia Bidoup – Núi Bà có 01 điểm giao lưu công chiêng phục vụ du khách tại khu du lịch).

*Một số hạn chế trong công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa công chiêng:*

Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, góp phần nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, đoàn thể và người dân về văn hóa và nhiệm vụ phát triển văn hóa, bảo tồn, phát huy di sản văn hoá công chiêng.

Gắn công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa công chiêng với cuộc vận động phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; qua đó, nâng cao ý thức tự giác của người dân, khơi dậy ở họ lòng tự hào đối với di sản văn hóa của cộng đồng mình là công việc có ý nghĩa quan trọng để hướng người dân chủ động tìm tòi,

## MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

sưu tầm và bảo tồn các loại hình di sản văn hóa.

Xây dựng mô hình du lịch cộng đồng gắn với không gian văn hóa công chiêng; Xây dựng các tiêu chí, quy chế hoạt động đối với các tổ chức đội, nhóm trình diễn công chiêng và chính sách đãi ngộ đối với các nghệ nhân, già làng, khuyến khích họ sưu tầm, lưu giữ và truyền lại vốn văn hóa nghệ thuật truyền thống của các dân tộc bản địa.

Tổ chức hoạt động bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hoá công chiêng: Bảo tồn không gian văn hóa công chiêng tại một số buôn truyền thống như: kiến trúc nhà cửa, phong tục tập quán, tín ngưỡng, ẩm thực... Phục hồi môi trường diễn xướng công chiêng và sinh hoạt văn hóa công chiêng, kế thừa có chọn lọc, khôi phục các sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng lễ hội gắn liền sinh hoạt văn hóa công chiêng theo truyền thống; lựa chọn những lễ hội đặc sắc, tiêu biểu của từng nhóm dân tộc thiểu số phục dựng duy trì thường xuyên vào thời gian cố định, trở thành lễ hội thường xuyên của cộng đồng làng, gia đình để quảng bá, phục vụ khách du lịch và các nhà nghiên cứu;

Thống kê, sưu tầm, số lượng công chiêng, các bài chiêng lưu giữ trong nghi lễ vòng đời người, nghi lễ nông nghiệp của đồng bào các dân

tộc bản địa bằng phương tiện hiện đại; điều tra sưu tầm phục dựng, lưu giữ bằng hình ảnh tư liệu hóa các mẫu hoa văn trên cây nêu, cột lễ, hoa văn trên trang phục và hoa văn trang trí tại các lễ hội;

Tiếp tục mở các lớp truyền dạy đánh công chiêng cho con em đồng bào các dân tộc gốc Tây Nguyên nhằm chuyển giao kỹ năng sử dụng công chiêng giữa thế hệ cha anh cho thế hệ trẻ. Xây dựng và xuất bản bộ tư liệu về di sản văn hóa công chiêng: ký âm và phân tích sâu về phương diện âm nhạc và nghệ thuật trình diễn công chiêng truyền thống, xây dựng băng đĩa, tranh ảnh, sách giới thiệu về âm nhạc dân gian làm tài liệu, tư liệu bảo tồn, giới thiệu, quảng bá di sản văn hóa, lễ hội, hoa văn, công chiêng và nhạc cụ của các dân tộc bản địa đến với các tầng lớp nhân dân trong tỉnh, bạn bè trong nước và quốc tế;

Kịp thời biểu dương các đơn vị, tổ chức, cá nhân có tinh thần trách nhiệm cao trong các hoạt động đầu tư phát triển văn hoá, bảo tồn văn hoá truyền thống tại địa phương; Hoàn thiện cơ chế bảo tồn, có chính sách ưu đãi đầu tư, khuyến khích nhà đầu tư có năng lực, tâm huyết đầu tư vào lĩnh vực văn hoá, bảo tồn di sản văn hoá theo hướng du lịch - dịch vụ sử dụng hiệu quả các tài nguyên du lịch

trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và xây dựng chương trình, nội dung hoạt động cho các buôn dân tộc thiểu số nhằm khôi phục lại 4 giá trị văn hóa truyền thống (lễ hội, hoa văn, công chiêng, nhạc cụ) phục vụ khách du lịch. Trang bị hệ thống nhạc cụ (công chiêng là hạt nhân) cho các địa phương (thôn, buôn, xã);

Kiện toàn nhân lực và nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ phát triển văn hóa, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc từ tỉnh đến cơ sở.

Với những kết quả đã đạt được trong công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa công chiêng Tây Nguyên ở Lâm Đồng trong những năm qua đã góp phần gìn giữ những nét độc đáo trong nghi lễ, các lễ hội truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số gốc Tây Nguyên, đồng thời đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hoá của nhân dân trong giai đoạn hiện nay, tạo ra những sinh hoạt văn hoá cộng đồng có sức lan toả để tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu giá trị, hình ảnh của không gian văn hoá công chiêng tới nhân dân cả nước và ra thế giới./.

---

**\* Trưởng khoa lý luận cơ sở**



## **ĐẠ HUOAI THỰC HIỆN TỐT CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁO DỤC, ĐẶC BIỆT LÀ Ở VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ**

*ThS Lê Thị Thanh Phụng\**

**Đ**ạ Huoai là huyện nằm ở phía Tây Nam của tỉnh Lâm Đồng, được thành lập ngày 06/6/1986 theo Quyết định số 68/QĐ-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ). Với tổng diện tích tự nhiên là 495,56 ha. Phía Đông giáp thành phố Bảo Lộc và huyện Bảo Lâm, phía Tây giáp huyện Tân Phú tỉnh Đồng Nai, phía Nam giáp huyện Đức Linh tỉnh Bình Thuận, phía Bắc giáp huyện Đa Tễ và Bảo Lâm.

Khi mới thành lập, huyện có 09 đơn vị hành chính (gồm 07 xã và 02 thị trấn) với dân số toàn huyện là 13.250 người. Đến nay huyện có 10 đơn vị hành chính (gồm 8 xã và 02 thị trấn) với dân số là 36.916 người của 20 dân tộc anh em cùng sinh sống, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số là 7.753 người, chiếm 21% dân số toàn huyện. Hiện Dạ Huoai còn 03 xã thuộc diện khó khăn (Đạ P'loa, Đoàn Kết và Phước Lộc) theo Quyết định 103/QĐ-TTg ngày 22/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh và

đổi tên danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực II, khu vực III thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020.

Khi mới thành lập huyện có 07 trường (gồm 01 trường cấp 1, 04 trường cấp 2, 01 trường cấp 3 và 01 trường phổ thông lao động). Bấy giờ, cơ sở vật chất thiếu thốn, trường, lớp, phòng học tạm (chủ yếu là dựng bằng gỗ thô sơ, tranh tre, nứa lá) với 140 cán bộ, giáo viên và 3.800 học sinh (từ mẫu giáo đến cấp 3).

Mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng trong thời gian qua các cấp ủy Đảng, chính quyền và ngành giáo dục huyện Dạ Huoai đã quan tâm chỉ đạo, triển khai tốt chính sách của Đảng, Nhà nước về giáo dục, nhất là vùng dân tộc thiểu số. Qua đó, cơ sở vật chất trường lớp khang trang, sạch đẹp; các chế độ ưu đãi đối với giáo viên và học sinh được thực hiện nghiêm túc đã động viên đội ngũ nhà giáo yên tâm công tác, cống hiến; tạo điều kiện thuận lợi cho con em người dân nói chung và con em đồng bào dân tộc

thiểu số được đến trường, nâng cao trình độ học vấn, sự hiểu biết toàn diện, sâu sắc về mọi mặt.

Để xây dựng cơ sở vật chất phục vụ cho việc dạy và học, huyện Dạ Huoai đã thực hiện tốt Chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở các xã đặc biệt khó khăn, theo Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, trong các hạng mục của chương trình có hạng mục xây dựng kiên cố hoá trường học; Quyết định số 159/2002/QĐ-TTg ngày 15/11/2002 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển cơ sở hạ tầng, trang thiết bị giáo dục với chương trình kiên cố hoá trường, lớp học; Quyết định số 1625/QĐ-TTg ngày 11/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên giai đoạn 2014 - 2015 và lộ trình đến năm 2020; Công văn số 9736/BKHĐT-TH ngày 21/11/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc rà soát danh mục dự án, dự kiến vốn và hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án sử dụng vốn

## MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 2733/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh Lâm Đồng V/v giao kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2020. Vì vậy, cơ sở trường lớp ở huyện nhất là vùng dân tộc thiểu số đã được nâng cấp một bước, tạo điều kiện thuận lợi cho con em đồng bào các dân tộc thiểu số ở vùng khó khăn tiếp cận được với giáo dục hiện đại. Tính đến nay, toàn huyện hiện có 32 trường (12 trường mầm non, 10 trường tiểu học, 08 trường THCS và 02 trường THPT), với 239 phòng học, 276 phòng bộ môn - chức năng - hiệu bộ. Các phòng học, phòng làm việc đều được xây dựng khang trang, đảm bảo tiêu chuẩn, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới theo Nghị quyết 29-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương về Đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo...đến nay đã có 10 trường mầm non đủ điều kiện cho học sinh học hai buổi/ngày, cảnh quan trường lớp ngày càng khang trang sạch, đẹp, không còn phòng học tạm. Tổng kinh phí đầu tư xây dựng trường lớp từ năm 2015 đến 2018 là 177,54 tỷ đồng (riêng năm 2018 là 48,19 tỷ đồng). Trang thiết bị, máy móc,

phương tiện dạy học được đầu tư tương đối đầy đủ và từng bước được đầu tư theo hướng hiện đại; bao gồm: 722 máy vi tính các loại, 65 máy chiếu projecto, 154 ti vi, 26 máy phô tô, 28 bộ thiết bị âm thanh, 120 đàn Oc-gan, 09 phòng Lab, 08 bảng tương tác thông minh, 3.792 bộ bàn ghế học sinh, 285 bộ bàn ghế giáo viên; đồ chơi ngoài trời bậc mầm non, trang thiết bị đồ dùng dạy học tối thiểu bậc mầm non; thiết bị dụng cụ phòng bộ môn lý - công nghệ - hóa - sinh bậc THCS tương đối đầy đủ. Tổng kinh phí đầu tư mua trang thiết bị, phương tiện máy móc phục vụ dạy và học từ năm 2015 đến năm 2018 là 46,25 tỷ đồng (riêng năm 2018 là 10,78 tỷ đồng). Tài liệu, sách giáo khoa phục vụ dạy và học cơ bản đáp ứng nhu cầu phục vụ giảng dạy và học tập. Riêng tài liệu, sách giáo khoa đối với học sinh dân tộc vùng đặc biệt khó khăn được cấp 100%.

Nhằm phát triển giáo dục ở huyện và vùng dân tộc được tốt, Đảng bộ và ngành giáo dục huyện Đa Huoai đã thực hiện nghiêm túc Chính sách ưu đãi đối với cán bộ quản lý và nhà giáo. Khi mới thành lập huyện, giáo viên được hưởng những chế độ ưu đãi như: Phụ cấp khu vực theo Quyết định số 72-HĐBT ngày 13 tháng 3 năm 1990

của Hội đồng Bộ trưởng về một số chủ trương, chính sách cụ thể phát triển kinh tế - xã hội miền núi; Phụ cấp khu vực theo Thông tư số 15/LĐTBXH ngày 29/10/1990 của Bộ LĐTBXH hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực, thâm niên và chính sách trợ cấp một lần đối với công nhân, viên chức ở miền núi; Chế độ ưu đãi theo Thông tư số 147/1998/TT-LT-TCCP-TC-LĐTBXH-GDĐT ngày 05/3/1998 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 973/1997/QĐ-TTg ngày 17/11/1997 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với giáo viên đang trực tiếp giảng dạy trong các trường công lập của Nhà nước; và hiện nay đang được hưởng phụ cấp ưu đãi nhà giáo thực hiện theo Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập. Đối với giáo viên là người Kinh đến giảng dạy ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số được hưởng các chế độ ưu đãi: Phụ cấp thu hút thực hiện theo Quyết định số 1448/1998/QĐ-UB ngày 12 tháng 6 năm 1998 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc giải quyết trợ cấp thu hút vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn thuộc tỉnh

## MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

Lâm Đồng (từ tháng 7/1998 đến tháng 6/2001); Nghị định 35/2001/NĐ-CP ngày 09 tháng 07 năm 2001 về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (từ tháng 7/2001 đến tháng 9/2004); Nghị định 61/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2006 Nghị định về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn (từ tháng 7/2006 đến tháng 2/2011); Nghị định 116/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 Nghị định về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn (từ tháng 3/2011 đến tháng 4/2017); Nghị định số 19/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2013 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Chế độ phụ cấp trang bị cho giáo viên trực tiếp giảng dạy thể dục ngoài trời, hỗ trợ tiết dạy

ngoài trời, thực hiện theo quyết định số 51/2012/QĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2012. Đối với giáo viên là người dân tộc thiểu số được hưởng đầy đủ chế độ chính sách của nhà giáo theo các quy định của Chính phủ, được thực hiện chế độ ưu tiên trong thực hiện tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch cán bộ, viên chức. Đối với giáo viên người dân tộc thiểu số dạy ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thì được hưởng các chế độ phụ cấp 0.5 khu vực, 70% phụ cấp thu hút, 70% phụ cấp ưu đãi nghề. Tổng kinh phí ưu đãi cho giáo viên từ 2015 đến 2018 là 46 tỷ 888 triệu đồng. Qua đó đã động viên đội ngũ nhà giáo yên tâm công tác, thực hiện tốt sự nghiệp trồng người, đưa giáo dục đến với tất cả các xã, thôn, buôn, tổ dân phố, khu dân cư trên địa bàn toàn huyện, từng bước đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ dạy và học của người dân địa phương. Số lượng và chất lượng giáo viên ngành giáo dục của huyện ngày càng được nâng cao. Đến nay toàn ngành giáo dục Đạ Huoai có 603 cán bộ, giáo viên (68 cán bộ quản lý và 535 giáo viên), trong đó 34 giáo viên là đồng bào dân tộc thiểu số (16 mầm non, 10 tiểu học, 08 THCS) và 01 giáo viên dân tộc tham gia quản lý. Chất lượng giáo viên cũng tăng cao, năm

2018 có 409 giáo viên giỏi cấp trường, 69 giáo viên giỏi cấp huyện, 13 giáo viên giỏi cấp tỉnh. 100% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn.

Bên cạnh đó, Đảng bộ và ngành giáo dục huyện Đạ Huoai đã thực hiện tương đối tốt chính sách ưu đãi đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số trên địa bàn. Thông tư 09/2013/TTLT- BGDĐT- BTC-BNV ngày 11/3/2013 của Bộ GD&ĐT, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chi hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non theo quy định tại Quyết định số 60/2011-QĐ TTG ngày 26 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2011-2015; Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm 2020-2021; Nghị định 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ Quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người; Nghị định 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010



## MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

Nghị định quy định về miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm 2010-2011 đến năm 2014-2015; Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Thủ tướng chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 – 2015; Hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh dân tộc thiểu số rất ít người thực hiện theo Nghị định 57/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ về việc quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ chi phí học tập đối với trẻ mầm non, mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người; Ngoài ra học sinh là người dân tộc thiểu số còn được cấp thẻ BHYT miễn phí. Kinh phí ưu đãi cho học sinh dân tộc thiểu số từ năm 2015 đến 2018 là 2 tỷ 748 triệu đồng. Riêng năm 2018 là 602 triệu (tăng so với năm học 2015 là 135 triệu đồng). Ngoài ra huyện còn thực hiện các chương trình, dự án khác như: Chương trình mục tiêu quốc gia về

giáo dục và đào tạo; Dự án Hỗ trợ giáo dục miền núi, vùng dân tộc thiểu số và vùng có nhiều khó khăn; Dự án giáo dục tiểu học cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; Dự án phát triển giáo dục trung học cơ sở; Dự án phát triển giáo dục trung học phổ thông. Do vậy, số lượng, chất lượng học tập và rèn luyện của học sinh đã được nâng lên rõ rệt. Hiện toàn huyện có 8.654 học sinh (trong đó 1793 là học sinh dân tộc thiểu số), trẻ em trong độ tuổi đều được đến trường, nhiều em đã vươn lên đạt thành tích cao trong học tập, học sinh giỏi các cấp tăng (năm học 2018 - 2019 có 154 học sinh giỏi cấp trường, 89 học sinh giỏi cấp huyện, 17 học sinh giỏi cấp tỉnh), nhiều em thi đậu vào các trường đại học, cao đẳng với số điểm cao.

Chính nhờ thực hiện tốt các chính sách về giáo dục mà cơ sở vật chất trường lớp ở ĐạHuoi nói chung và vùng dân tộc thiểu số nói riêng đã được nâng cấp, được kiên cố hóa ngày càng khang trang, sạch, đẹp; trang thiết bị, phương tiện dạy học từng bước hiện đại tạo điều kiện thuận lợi cho con em đồng bào các dân tộc ở vùng khó khăn tiếp cận được với giáo dục hiện đại, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu dạy và học trong điều kiện mới. Đến

nay, toàn huyện đã có 21/32 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ I (07 trường mầm non, 10 trường tiểu học và 04 trường THCS). Dự kiến 100% các trường còn lại đạt chuẩn vào năm 2025.

Có thể nói, dưới sự lãnh chỉ đạo của Huyện ủy, UBND và ngành giáo dục huyện ĐạHuoi, các chính sách phát triển giáo dục ở huyện nói chung và vùng dân tộc thiểu số nói riêng đã được tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, kịp thời, đạt hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục, được nhân dân đồng tình, ủng hộ. Nhờ đó, sự nghiệp giáo dục của huyện được củng cố và phát triển, quy mô giáo dục của huyện tiếp tục được mở rộng phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, thực hiện công bằng trong giáo dục. Từ đó chung tay góp sức xây dựng huyện đạt nông thôn mới vào năm 2020 và góp phần quan trọng vào việc hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng an ninh, tạo cơ sở, tiền đề vững chắc cho ĐạHuoi tiếp tục phát triển đi lên trong những năm tới./.

---

**\* Phó Trưởng khoa Lý luận cơ sở**

# XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở TỈNH LÂM ĐỒNG

ThS Hoàng Thị Như Quỳnh\*

**Nông nghiệp công nghệ cao và xây dựng nông thôn mới là một trong những chương trình trọng tâm, góp phần đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong phát triển nông nghiệp, nông thôn, nhằm nâng cao trình độ sản xuất, tăng thu nhập, giảm nghèo cho người dân và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ổn định, bền vững.**

Xây dựng nông thôn mới là một trong những chương

trình trọng tâm, trọng điểm có vai trò, ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong thực hiện Nghị quyết số 26 – NQ/TW, ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của tỉnh đã phát huy tối đa sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và huy động được sự tham gia của đông đảo quần chúng nhân dân trong tỉnh. Sau 10 năm

xây dựng nông thôn mới, thực tế đã khẳng định đây là chương trình thúc đẩy nông thôn của tỉnh phát triển toàn diện và đang hướng đến cùng cả nước thực hiện đề án xây dựng nông thôn kiểu mẫu theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia. Mục đích của việc thực hiện đề án là sau khi đạt chuẩn nông thôn mới, các tỉnh, thành phố sẽ tiếp tục xây dựng tiêu chí để xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn



Diện mạo nông thôn mới tại thôn văn hóa Quảng Thuận (xã Quảng Lập, huyện Đơn Dương). Ảnh: H.Thắm

## MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

mới nâng cao, sau đó, sẽ lựa chọn, công nhận địa phương đạt nông thôn mới kiểu mẫu, tạo hình mẫu để các địa phương khác học tập. Theo Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2010 - 2020 đánh giá, giá trị sản xuất ngành nông lâm thủy tăng nhanh, năm 2018 đạt 38.700 tỷ đồng (tăng 65,5% so với năm 2010). Diện tích sản xuất nông nghiệp ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao đến tháng 8/2019 đạt 56.403 ha, giá trị sản xuất công nghệ cao bình quân đạt khoảng 400 triệu đồng/ha/năm, đặc biệt có nhiều mô hình có giá trị sản xuất đạt trên 1.000 triệu đồng/ha/năm. Việc tập trung đầu tư phát triển sản xuất đã giúp nâng cao thu nhập cho người dân, giá trị sản xuất bình quân trên đơn vị diện tích trên địa bàn tỉnh năm 2018 đạt 169 triệu đồng/ha/năm (tăng gấp đôi so với năm 2010); thu nhập bình quân đầu người vùng nông thôn năm 2018 đạt khoảng 37 triệu đồng/năm (tăng gần 3 lần so với năm 2010). Đến nay, có 97/116 xã đạt tiêu chí về thu nhập (đạt 83,62%)... [1].

Về kết quả thực hiện các tiêu chí nâng cao của Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (NTM)

của tỉnh có 90 xã đã đạt chuẩn NTM và tiếp tục giữ vững, củng cố, nâng cao các tiêu chí đã đạt được; phần đầu hết năm 2019 có 13 xã NTM nâng cao, 02 xã NTM kiểu mẫu và đến năm 2020 đạt 20 xã NTM nâng cao, 09 xã NTM kiểu mẫu. Huyện Đơn Dương đã được công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới; Đề án “Xây dựng huyện Đơn Dương đạt chuẩn huyện NTM kiểu mẫu về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng thông minh giai đoạn 2019 - 2025” đã được UBND tỉnh ban hành và huyện Đơn Dương đang triển khai thực hiện. Phần lớn các mục tiêu trong xây dựng NTM đều đạt và vượt kế hoạch. Giai đoạn 2011-2015, có 43 xã đạt chuẩn NTM đạt kế hoạch đề ra; bình quân toàn tỉnh đạt 15 tiêu chí. Giai đoạn 2016 - 2020, ước đến hết năm 2020 có 109 xã đạt 100% kế hoạch; có 06/06 địa phương cấp huyện đạt chuẩn NTM; bình quân toàn tỉnh đạt 18,5 tiêu chí/xã. Đến tháng 8/2019 huyện Đức Trọng và 02 thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc đã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM đang đề nghị Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn thẩm định, đề nghị Thủ tướng Chính phủ xét, công nhận. Tỉnh phần đầu đến năm 2020 có ít nhất 06 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn huyện nông

thôn mới. [2]

Như vậy, trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới tỉnh được đánh giá là vượt trội so với khu vực và bình quân cả nước trên 3 khía cạnh như: tỷ lệ số xã đạt chuẩn, số tiêu chí bình quân và tỷ lệ xã dưới 10 tiêu chí. Vì vậy, qua hơn 10 năm thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Đảng, Nhà nước, các bộ, ngành Trung ương, của Tỉnh ủy, Ủy Ban nhân dân tỉnh, cùng sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở và sự đồng thuận cao của nhân dân trong tỉnh, chương trình xây dựng nông thôn mới của tỉnh đã đạt được những kết quả quan trọng. Nhiều cơ chế, chính sách của Trung ương được tỉnh vận dụng, cụ thể hóa phù hợp với điều kiện thực tế, khả năng của địa phương và được các tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia. Tỉnh xác định nông nghiệp công nghệ cao và xây dựng NTM là một trong những chương trình trọng tâm, góp phần đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong phát triển nông nghiệp, nông thôn, nhằm nâng cao trình độ sản xuất, tăng thu nhập, giảm nghèo cho người dân và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội



## MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

ổn định, bền vững.

Thực hiện phong trào thi đua “Cùng cả nước, Lâm Đồng chung sức xây dựng nông thôn mới” do tỉnh phát động, nhiều phong trào thi đua, cuộc vận động gắn với xây dựng nông thôn mới được các cấp, các ngành, đoàn thể tích cực triển khai trên địa bàn toàn tỉnh như: Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; Doanh nghiệp Việt Nam hội nhập và phát triển; Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị ở lại phía sau... Qua phong trào thi đua đã huy động được nguồn lực lớn trong nhân dân và các thành phần kinh tế tham gia xây dựng nông thôn mới. Tổng nguồn lực huy động giai đoạn 2010 - 2019 là 52.693 tỷ đồng; trong đó: vốn ngân sách nhà nước 7.236 tỷ đồng, chiếm 13,73% (vốn đầu tư trực tiếp 2.056 tỷ đồng; vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác 5.180 tỷ đồng); vốn tín dụng (dư nợ tín dụng tăng thêm) 43.000 tỷ đồng, chiếm 81,6%; vốn các tổ chức, doanh nghiệp 701 tỷ đồng, chiếm 1,33%; vốn cộng đồng dân cư 1.756 tỷ đồng, chiếm 3,34% [3]. Nhiều gương điển hình sản xuất giỏi, làm giàu, giảm nghèo bền vững, phát triển giao thông nông thôn, thủy lợi nhỏ... xuất hiện và

đã được tổng kết, nhân rộng.

Nhìn chung sau gần 10 năm thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới và 6 năm thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, khu vực nông thôn của tỉnh Lâm Đồng có những chuyển biến mạnh mẽ như: diện mạo nông thôn khởi sắc rõ rệt, chất lượng đời sống vật chất của người dân được nâng cao, nhận thức về nông thôn mới được tăng cường; môi trường nông thôn đã có chuyển biến đáng kể, nhiều vùng nông thôn đã xây dựng và hình thành mô hình cảnh quan xanh sạch đẹp; thực hiện trồng rừng, trồng cây phân tán theo kế hoạch hàng năm; thực hiện thu gom rác thải, thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật ngay tại khu dân cư, khu sản xuất,...từ đó góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Bên cạnh kết quả đạt được, một số tồn tại, hạn chế trong thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới tại Lâm Đồng cũng được thẳng thắn nhìn nhận và chỉ ra như: Hệ thống kết cấu hạ tầng, nhất là hệ thống đường giao thông nông thôn ở một số xã chưa hoàn thiện. Sản xuất nông nghiệp chưa thật sự gắn kết chặt chẽ với thị trường. Cảnh quan môi trường một số nơi chưa được chỉnh trang. Kết quả thực hiện hiện Chương

trình nông thôn mới chưa đồng đều giữa các vùng. Vì vậy, trong thời gian tới tỉnh xác định tiếp tục công cuộc xây dựng nông thôn mới với một quyết tâm cao nhằm tạo chuyển biến đồng bộ ở các địa phương, đặc biệt là phải gắn với thực chất không chạy theo thành tích; cùng với đó phát huy thế mạnh là tỉnh đi đầu cả nước về nông nghiệp công nghệ cao để tiếp tục đạt được các tiêu chí nâng cao trong nông thôn mới.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là một chương trình mang ý nghĩa to lớn, làm thay đổi toàn diện đời sống người dân nông thôn, có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự quan tâm đặc biệt của lãnh đạo các cấp. Theo đó, chương trình Mục tiêu quốc gia tỉnh Lâm Đồng xác định, xây dựng nông thôn mới là một chương trình có điểm khởi đầu nhưng không có điểm kết thúc mà phải thường xuyên, liên tục, bám sát các chủ trương chính sách của Trung ương để áp dụng vào thực tiễn địa phương./.

---

[1], [2], [3] Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2010 - 2020

*\* Giảng viên khoa Lý luận cơ sở*



LÂM ĐỒNG GẮN CÔNG TÁC BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA DÂN TỘC BẢN ĐỊA VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH

ThS Tô Văn Bấy\*

Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc thiểu số có vai trò quan trọng trong xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Lâm Đồng vùng đất có lịch sử hình thành, phát triển lâu đời, nơi sinh sống của các dân tộc bản địa Tây Nguyên và cư dân đến từ các vùng miền trên cả nước đã tạo nên nét văn hóa đặc sắc, phong phú, đa dạng, đó là điều kiện, tiềm năng, thế mạnh cho phát triển ngành du lịch của tỉnh.

Trong những năm gần đây, việc phát triển đa dạng các loại hình du lịch gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa dân tộc thiểu số bản địa ở Lâm Đồng đã và đang mang lại những hiệu quả tích cực góp phần phát triển bền vững.

Lâm Đồng là tỉnh Nam Tây Nguyên, với 12 đơn vị hành chính cấp huyện với 43 dân tộc anh em cùng sinh sống, đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 24,1% (trong đó dân tộc thiểu số gốc Tây Nguyên

chiếm 17,6%); Các dân tộc anh em cùng chung sống hòa thuận, đoàn kết trên địa bàn tỉnh, mỗi dân tộc có những nét văn hóa truyền thống đặc trưng riêng tạo nên sắc thái văn hóa phong phú, đa dạng. Theo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Lâm Đồng, toàn tỉnh hiện nay có 36 di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh được công nhận, trong đó, 02 di tích quốc gia đặc biệt, 18 di tích cấp quốc gia, 16 di tích cấp tỉnh, với các loại hình, như kiến trúc nghệ thuật, lịch sử văn hóa và danh



## MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

lam thắng cảnh; 84 lễ hội truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó có 55 lễ hội đang duy trì thường xuyên; 17 Di sản văn hóa phi vật thể đã được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận (06 Nghề thủ công truyền thống, 04 Tri thức dân gian, 03 Lễ hội/lễ nghi dân gian, 03 Ngữ văn dân gian, 01 Nghệ thuật trình diễn dân gian). Đây là những di sản vô cùng quý báu, nếu khai thác tốt sẽ góp phần đa dạng hóa các sản phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh của ngành du lịch của địa phương những năm qua, việc khai thác du lịch trên cơ sở bảo tồn, phát huy những giá trị độc đáo của văn hóa đồng bào dân tộc thiểu số được coi là hướng đi quan trọng, mở ra nhiều triển vọng trong thời gian tới.

Thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và chiến lược phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Trong trong thời gian, tỉnh Lâm Đồng tập trung công tác bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc bản địa, khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống gắn với hoạt động du lịch trên địa bàn, cụ thể:

Về định hướng đảm bảo phát triển lâu dài, tỉnh khoa học, mang lại lợi ích cho toàn

thể nhân dân, Tỉnh đã tổ chức Hội thảo khoa học về “khôi phục và bảo tồn các giá trị truyền thống văn hóa của dân tộc bản địa tỉnh Lâm Đồng” do Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Lâm Đồng phối hợp cùng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh tổ chức. Tại Hội thảo các học giả, nhà nghiên cứu, nhà quản lý đã có nhiều tham luận, ý kiến đưa ra các giải pháp về khôi phục, bảo tồn phát huy các giá trị truyền thống văn hóa dân tộc thiểu số trong đó nhấn mạnh là phải gắn với du lịch của địa phương hiện nay.

Bên cạnh đó để bảo đảm vừa bảo tồn được, vừa quảng bá đúng, đầy đủ giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số trên địa bàn, Tỉnh đã thực hiện mở các lớp truyền dạy công chiêng cho đối tượng là thanh thiếu niên dân tộc gốc Tây Nguyên, trang bị các bộ công chiêng kèm theo trang phục truyền thống cho các nhóm, đội công chiêng trong tỉnh, duy trì và tổ chức tốt Lễ hội Văn hóa công chiêng...(từ năm 2009 đến nay, tổ chức được 52 lớp truyền dạy Công chiêng cho 1.248 thanh thiếu niên là người đồng bào dân tộc thiểu số nhằm lưu giữ và phát huy di sản văn hóa phi vật thể trang bị 20 bộ chiêng; 12 bộ trang phục, toàn Tỉnh hiện có 16 nhóm công chiêng hoạt động tại các khu, điểm

du lịch). Để đảm bảo cho du khách hiểu và biết đầy đủ về văn hóa các dân tộc thiểu số, Tỉnh đã mở các khóa tập huấn nghiệp vụ cho thuyết minh viên du lịch tại một số địa phương có đông người đồng bào dân tộc thiểu số; đồng thời tuyên truyền, quảng bá xúc tiến du lịch tại một số điểm, phát triển mô hình du lịch miền núi có sự tham gia của cộng đồng các dân tộc thiểu số.

Đặc biệt trong những năm qua, đã xây dựng các mô hình du lịch, tour du lịch lấy văn hóa truyền thống bản địa trong đó trọng tâm là hoạt động sinh hoạt văn hóa công chiêng làm điểm nhấn để phục vụ du khách như: 12 đội công chiêng trên địa bàn huyện Lạc Dương; Hợp tác xã dệt thổ cẩm tại Buôn B'nờ C- thị trấn Lạc Dương- huyện Lạc Dương; Hợp tác xã dệt thổ cẩm tại Buôn Go – Cát Tiên, Lộc Tân – Bảo Lâm, các nhóm công chiêng vẫn duy trì tốt hoạt động và trở thành điểm đến không thể thiếu đối với du khách khi đến Đà Lạt – Lâm Đồng.

Để bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc thiểu số bền vững, nâng cao đời sống cho chính người dân thì trong thời gian tới, Tỉnh định hướng các sản phẩm du lịch mới lấy giá trị văn hóa truyền thống bản địa trọng tâm dự án Khu bảo tồn văn

## MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

hóa bản địa và nghỉ dưỡng cũng như trong các khu du lịch hiện có: Làng Cù Lân, Thung Lũng Tình Yêu, Lang Biang... đã được du khách rất yêu thích khi đến du lịch tại Lâm Đồng – Đà Lạt.

Công tác bảo tồn các làng nghề truyền thống dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh hiện nay, được quan tâm và triển khai cụ thể như: Hiện nay, đang triển khai xây dựng Dự án bảo tồn làng nghề truyền thống dân tộc Churu tại xã Pro- huyện Đơn Dương nhằm thu hút người dân bản địa tham gia vào bảo tồn, duy trì thực hiện. Khi hoàn thành đây là một địa điểm tham quan du lịch, trải nghiệm tìm hiểu phong tục, tập quán, lối sống, tín ngưỡng, kiến trúc... cho du khách khi đến với Đà Lạt, Lâm Đồng. Trong thời gian tới, hướng tới xây dựng Dự án bảo tồn làng nghề truyền thống dân tộc K'ho trên địa bàn huyện Lạc Dương với định hướng bảo tồn các nghề truyền thống đặc thù như: dệt vải, đan lát, rượu cần và hình thành mô hình du lịch home stay trong khu dân cư đồng bào dân tộc thiểu số.

Hiện nay, trên địa bàn một số địa phương có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống và có vốn văn hóa giàu bản sắc đã xây dựng mô hình công chiêng, sản xuất thổ cẩm, đan lá nhằm

phục vụ khách du lịch như tại Lạc Dương, Đức Trọng, Đơn Dương, Bảo Lâm qua đó góp phần giữ gìn, quảng bá các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của cộng đồng dân tộc bản địa cũng như góp phần phát triển kinh tế nâng cao thu nhập cho người dân đặc biệt là người dân bản địa gốc Tây Nguyên.

Nhìn chung, thông qua các hoạt động bảo tồn gắn với phát triển du lịch đã đem lại những kết quả tích cực góp phần xóa đói giảm nghèo, tạo nguồn thu ổn định cho bà con dân tộc bản địa gốc Tây Nguyên trên địa bàn tỉnh.

Từ những thực tế trên, để tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc bản địa gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng trong thời gian tới cần chú trọng một số vấn đề sau:

*Một là*, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền, sự phối hợp chặt chẽ giữa các ban, ngành, đoàn thể các cấp trong công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc bản địa trên địa bàn tỉnh. Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển văn hóa nói chung và các Nghị quyết lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị; đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch

phát triển kinh tế- xã hội góp phần xóa đói, giảm nghèo, cải thiện đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện hiệu quả nghiêm túc Chương trình hành động của Tỉnh ủy, Kế hoạch của UBND tỉnh về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam với những nét đặc trưng riêng, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, phong tục, tập quán của các dân tộc tại địa phương.

*Hai là*, tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng trong tầng lớp nhân dân, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhằm nâng cao nhận thức trong việc chấp hành đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nói chung và công tác bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống nói riêng. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhất là đối với thế hệ trẻ nhất là thế hệ trẻ người dân tộc bản địa để có sự hiểu biết sâu sắc và có ý thức tự hào về giá trị văn hóa của dân tộc mình từ đó có những hành động cụ thể trong hoạt động giữ gìn, bảo tồn và phát huy. Nâng cao nhận thức và ý thức của các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân trong phát triển văn hóa, bồi dưỡng con người thông qua việc đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục văn hóa, nhất là đạo đức lối sống trong gia đình Việt Nam. Lồng ghép việc tuyên

## MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

truyền, giáo dục các giá trị văn hóa truyền thống để cộng đồng các cư dân bản địa, đặc biệt là thế hệ trẻ hiểu biết sâu sắc và có ý thức tự hào về những giá trị văn hóa của dân tộc mình, từ đó chính họ sẽ có hành động cụ thể, chủ động để giữ gìn và phát huy trong đời sống xã hội.

*Ba là*, tiếp tục đẩy mạnh công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống thông qua việc triển khai có hiệu quả Quyết định số 1270/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam đến năm 2020”; Quyết định số 296/QĐ-UBND, ngày 22/2/2018 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt Đề án “Bảo tồn và phát triển Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên các dân tộc tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020”; Quyết định số 450/QĐ-UBND, ngày 06/3/2018 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt Đề án “Bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc bản địa, khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống gắn với hoạt động du lịch trên địa bàn Lâm Đồng giai đoạn 2018-2020 và định hướng đến năm 2030”;

*Bốn là*, tăng cường công tác quản lý nhà nước về lĩnh

vực văn hóa, thể dục, thể thao, gia đình và du lịch nhằm ổn định và duy trì môi trường văn hóa - xã hội lành mạnh. Thường xuyên chú trọng xây dựng, củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các đơn vị sự nghiệp văn hóa công lập để trở thành lực lượng then chốt trong việc nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân; hướng các hoạt động, phong trào văn hóa- văn nghệ, thể dục- thể thao về cơ sở theo hướng sử dụng các loại hình văn hóa đặc trưng của các dân tộc bản địa để phục vụ; Sử dụng hợp lý các giá trị văn hóa vật thể cũng như phi vật thể nhằm phục vụ và phát du lịch góp phần vào công tác bảo tồn, tạo thu nhập và giải quyết việc làm cho cư dân; mở rộng giao lưu văn hóa giữa các địa phương trong tỉnh và giữa các tỉnh trong cả nước.

*Năm là*, xã hội hóa việc bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa, tranh thủ sự giúp đỡ, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, các nước trong khu vực, trên thế giới. Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa cần phải gắn liền với nghiên cứu, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật phù hợp; nâng cao trình độ đội ngũ quản lý, chuyên môn ở các cấp. Các cơ quan chức năng văn hóa phải giữ vai trò quản lý, hướng dẫn theo

đúng định hướng, chủ trương của Đảng, Nhà nước. Các tổ chức, cá nhân được tham gia hoạt động văn hóa nghệ thuật, nhưng phải tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan. Triển khai, thực hiện hiệu quả xã hội hóa trong bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa.

Sáu là, thường xuyên tổ chức các buổi tuyên truyền, giáo dục ý thức cho người dân trong việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống; loại bỏ hủ tục, duy trì các phong tục, tập quán tốt đẹp vừa giữ gìn nét đẹp văn hóa truyền thống, vừa khai thác phát triển du lịch cộng đồng bền vững cho tương lai

Như vậy, vấn đề bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa các dân tộc bản địa trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng vừa là nhiệm vụ trước mắt, vừa là nhiệm vụ có tính lâu dài góp phần nâng cao ý thức bản sắc dân tộc, bảo vệ bản sắc văn hóa, xây dựng môi trường văn hóa bền vững trong bối cảnh hiện nay. Để bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa các dân tộc cần coi trọng sự đồng thuận của người dân và cần có phương thức phù hợp gắn liền với thực tiễn địa phương./.

---

*\* Giảng viên khoa Lý luận cơ sở*



## **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI - 90 NĂM NHÌN LẠI**

*Trung tá, ThS Lê Hữu Long\**

**T**rong dòng chảy lịch sử dân tộc Việt Nam, sự kiện Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là bước ngoặt vĩ đại. Nhân kỷ niệm 90 năm ngày thành lập Đảng, chúng ta cùng nhìn lại sự kiện đặc biệt quan trọng này để từ đó bồi đắp thêm lòng yêu nước và sự tin yêu theo Đảng, quyết tâm vững bước tiến lên dưới lá cờ vẻ vang của Đảng trong giai đoạn cách mạng mới.

Trở lại tình hình, đáp ứng đòi hỏi của phong trào cách mạng trong nước, mùa Xuân năm 1930, Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đã họp ở bán đảo Cửu Long, Hương Cảng (Trung Quốc). Tham dự Hội nghị có các đồng chí Trịnh Đình Cửu, Nguyễn Đức Cảnh (đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng), Nguyễn Thiệu, Châu Văn Liêm (đại biểu của An Nam Cộng sản Đảng). Đông Dương Cộng sản Liên đoàn mới thành lập, vì vậy không kịp cử đại biểu đến dự Hội nghị. Hội nghị được tiến hành dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Ái Quốc - đại biểu

Quốc tế Cộng sản. Trong *Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản* ngày 18 - 02 - 1930, Nguyễn Ái Quốc viết: "...tôi đi Trung Quốc, tới đó vào ngày 23 - 12. Sau đó, tôi triệu tập các đại biểu của hai nhóm (Đông Dương và An Nam). Chúng tôi họp vào ngày mùng 6 - 1... Các đại biểu trở về An Nam ngày 8 - 2"<sup>1</sup>.

Như vậy, thời gian Hội nghị hợp nhất được tổ chức từ ngày 06 - 01 - 1930 đến ngày 07 - 02 - 1930. Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III, Đảng ra Nghị quyết *Về ngày thành lập Đảng* (Nghị quyết ngày 10 - 9 - 1960) khẳng định: "Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng quyết nghị từ nay trở đi sẽ lấy ngày 3 tháng 2 dương lịch mỗi năm làm Ngày Kỷ niệm thành lập Đảng"<sup>2</sup>.

Trong *Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản*, Nguyễn Ái Quốc viết: "Với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản có đầy đủ quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến phong trào cách mạng ở Đông Dương, tôi nói cho họ biết những sai lầm và họ phải làm gì. Họ đồng ý thống

nhất vào một đảng"<sup>3</sup>. *Điều lệ* vẫn tất được Hội nghị thành lập Đảng thông qua lấy tên Đảng là *Đảng Cộng sản Việt Nam*. Hội nghị thảo luận và thông qua *Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng, Chương trình tóm tắt của Đảng và Điều lệ vắn tắt của Đảng* do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Dù viết ở mức độ vắn tắt, các văn kiện đó vẫn chứa đựng đầy đủ các luận điểm cách mạng cơ bản, độc lập, sáng tạo về đường hướng phát triển, chiến lược, sách lược của cách mạng Việt Nam; về bản chất giai cấp công nhân và vai trò lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam. Vì vậy, có thể xác định rằng *Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng* hợp thành *Cương lĩnh cách mạng đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam*.

*Cương lĩnh* chỉ ra những *nhiệm vụ và mục tiêu cụ thể của cách mạng* là: Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến, làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập. Chống đế quốc và chống phong kiến là nhiệm

vụ cơ bản để giành độc lập cho dân tộc và ruộng đất cho dân cày; Dựng ra chính phủ công nông binh... Thâu hết sản nghiệp lớn (như công nghiệp, vận tải, ngân hàng, v.v.), của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho chính phủ công nông binh quản lý. Thâu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo<sup>4</sup>.

*Cương lĩnh* chỉ rõ rằng cách mạng Việt Nam có liên lạc mật thiết và là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới, "...trong khi tuyên truyền cái khẩu hiệu *nước An Nam độc lập*, phải đồng tuyên truyền và thực hành liên lạc với bị áp bức dân tộc và vô sản giai cấp thế giới"<sup>5</sup>; "Đảng liên kết với những dân tộc bị áp bức và quần chúng vô sản trên thế giới"<sup>6</sup>. Trong *Lời kêu gọi*, Nguyễn Ái Quốc cũng nêu rõ: "Cách mạng An Nam không bị cô lập, trái lại nó được giai cấp vô sản thế giới nói chung và giai cấp cần lao Pháp nói riêng ủng hộ"<sup>7</sup>. Ngay từ khi thành lập, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nêu cao chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân.

*Cương lĩnh* khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng với tư cách là đội tiên phong của giai cấp vô sản: "Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp, phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình

lãnh đạo được dân chúng"<sup>8</sup>. *Chương trình tóm tắt của Đảng* nêu rõ: "Đảng là đội tiên phong của đạo quân vô sản gồm một số lớn của giai cấp công nhân và làm cho họ có đủ năng lực lãnh đạo quần chúng"<sup>9</sup>. *Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam* khẳng định tôn chỉ: "Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức ra để lãnh đạo quần chúng lao khổ làm giai cấp tranh đấu để tiêu trừ tư bản đế quốc chủ nghĩa, làm cho thực hiện xã hội cộng sản"<sup>10</sup>, "Không bao giờ Đảng lại hy sinh quyền lợi của giai cấp công nhân và nông dân cho một giai cấp nào khác"<sup>11</sup>. Đảng Cộng sản Việt Nam theo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin là khối thống nhất về ý chí và hành động, Đảng kết nạp vào Đảng những người: "Tin theo chủ nghĩa cộng sản, chương trình Đảng và Quốc tế Cộng sản, hăng hái tranh đấu và dám hy sinh phục tùng mệnh mệnh Đảng và đóng kinh phí, chịu phần đấu trong một bộ phận đảng thời được vào Đảng"<sup>12</sup>.

Những nội dung trên, *Cương lĩnh* đầu tiên của Đảng đã đặt ra và giải quyết những vấn đề cơ bản, cấp bách và định hướng chiến lược đúng đắn cho tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam.

Nhân dịp thành lập Đảng, Nguyễn Ái Quốc đã ra lời kêu gọi:

*"Hỡi công nhân, nông dân, binh lính, thanh niên, học sinh, anh chị em bị áp bức, bóc lột!*

*Anh chị em! Các đồng chí!*

Nhận chỉ thị của Quốc tế Cộng sản giải quyết vấn đề cách mạng ở nước ta, tôi đã hoàn thành nhiệm vụ và thấy có trách nhiệm phải gửi tới anh chị em và các đồng chí lời kêu gọi này ...

Đảng Cộng sản An Nam đã được thành lập. Đó là Đảng của giai cấp vô sản. Đảng sẽ dìu dắt giai cấp vô sản lãnh đạo cách mạng An Nam đấu tranh nhằm giải phóng cho toàn thể anh chị em bị áp bức, bóc lột chúng ta. Từ nay anh chị em chúng ta cần phải gia nhập Đảng, ủng hộ Đảng và đi theo Đảng để:

1. Đánh đổ đế quốc Pháp, phong kiến An Nam và giai cấp tư sản phản cách mạng.

2. Làm cho nước An Nam được độc lập.

3. Thành lập chính phủ công nông binh.

4. Tịch thu tất cả các nhà băng và cơ sở sản xuất của đế quốc trao cho chính phủ công nông binh.

5. Quốc hữu hóa toàn bộ đồn điền và đất đai của bọn đế quốc và địa chủ phản cách mạng An Nam chia cho nông dân nghèo.

6. Thực hiện ngày làm tám giờ.

7. Hủy bỏ mọi thứ quốc trái và thuế thân, miễn các thứ thuế cho nông dân nghèo.

8. Đem lại mọi quyền tự do cho nhân dân.

9. Thực hành giáo dục toàn dân.

10. Thực hành nam nữ bình quyền”<sup>13</sup>.

Có thể nói, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Đó cũng là kết quả của sự phát triển cao và thống nhất của phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Chủ nghĩa Mác - Lênin không chỉ là hệ tư tưởng lý luận tiên tiến của giai cấp công nhân, phong trào công nhân mà còn là vũ khí giải phóng giai cấp công nhân, giải phóng dân tộc, giải phóng toàn xã hội. Với sự tiếp thụ lý luận tiên phong là chủ nghĩa Mác - Lênin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở nước ta đã phát triển mạnh mẽ cả về quy mô và chất lượng, đào luyện nên những chiến sĩ cộng sản, ra đời những tổ chức cộng sản để tiến tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam ta. Nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh

đạo cách mạng.”<sup>14</sup>.

Đường lối chiến lược và sách lược cách mạng của Đảng được thể hiện trong *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt* là mục tiêu, lý tưởng của Đảng, phù hợp và đáp ứng đúng nguyện vọng của giai cấp công nhân, các tầng lớp nhân dân lao động và của toàn dân tộc. Cương lĩnh cách mạng đầu tiên của Đảng trở thành ngọn cờ tập hợp, đoàn kết toàn dân và lãnh đạo phong trào cách mạng của nhân dân ta. Do vậy, “Cương lĩnh ấy rất phù hợp với nguyện vọng thiết tha của đại đa số nhân dân ta là nông dân. Vì vậy, Đảng đã đoàn kết được những lực lượng cách mạng to lớn chung quanh giai cấp mình. Còn các đảng phái của các giai cấp khác thì hoặc bị phá sản, hoặc bị cô lập. Do đó, quyền lãnh đạo của Đảng ta - Đảng của giai cấp công nhân - không ngừng củng cố và tăng cường”<sup>15</sup>.

Cương lĩnh của Đảng là sự vận dụng đúng đắn và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của một nước thuộc địa nửa phong kiến. Kết hợp đúng đắn vấn đề giai cấp và vấn đề dân tộc; kết hợp truyền thống yêu nước và tinh thần cách mạng của nhân dân ta với những kinh nghiệm của cách mạng thế giới; kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ

nghĩa quốc tế vô sản và kết hợp thực tiễn, yêu cầu của cách mạng Việt Nam với tư tưởng cách mạng của thời đại, đó là tư tưởng của chủ nghĩa cộng sản.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam với Cương lĩnh cách mạng đầu tiên của Đảng đã quyết định nội dung, xu hướng phát triển của xã hội Việt Nam là giành độc lập dân tộc đi tới chủ nghĩa xã hội. Sự lựa chọn con đường cách mạng vô sản là phù hợp với nội dung và xu thế cách mạng của thời đại mới được mở ra từ Cách mạng Tháng Mười Nga (1917) đáp ứng với yêu cầu giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, bảo đảm độc lập, tự do thật sự cho dân tộc. Đối với nước ta: “Không còn con đường nào khác để có độc lập dân tộc thực sự và tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Cần nhấn mạnh rằng đây là sự lựa chọn của chính lịch sử, sự lựa chọn đã dứt khoát từ năm 1930 với sự ra đời của Đảng ta”<sup>16</sup>.

Nhìn lại chặng đường 90 năm kể từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, dù tình hình trong nước và quốc tế có nhiều sự đổi thay, nhưng trong bất luận hoàn cảnh nào Đảng Cộng sản Việt Nam cũng khẳng định được bản lĩnh và trí tuệ của mình, đã lãnh đạo con thuyền cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Tuy nhiên hiện nay, trên một số phương tiện thông tin, ấn phẩm, trang web,... đây đó xuất hiện những luận điệu sai trái, xuyên tạc lịch sử, với mục tiêu xuyên suốt là nhằm xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, tiến tới xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Chúng tập trung xuyên tạc, phủ nhận quy luật ra đời của Đảng; phê phán, đả kích vào nền tảng tư tưởng của Đảng đó là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; phủ nhận vai trò, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; tấn công vào đường lối, chủ trương của Đảng, phủ nhận mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đòi bác bỏ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, công khai ca ngợi con đường tư bản chủ nghĩa... Những quan điểm, luận điệu sai trái trên đã và đang xuất hiện trong bối cảnh đất nước vừa có thời cơ, vận hội lớn, vừa đứng trước những nguy cơ, thách thức không nhỏ. Song, chúng ta tin tưởng rằng, với một Đảng đã biết biến quyết tâm của mình thành quyết tâm của cả một dân tộc để lãnh đạo toàn dân đứng lên đem hết “tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải” để giữ vững nền độc lập, thì Đảng ấy chắc chắn sẽ biết biến mục tiêu, lý tưởng của mình thành quyết tâm

và hành động của cả dân tộc để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta; nhất định sẽ lập được những kỳ tích mới trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội./.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 2*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.1998, tr. 19 - 20.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 21*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2002, tr. 904.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 2*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1998, tr. 19.

4. Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 2*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1998, tr. 2 - 3.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 2*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1998, tr. 4 - 5.

6. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 2*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1998, tr. 6.

7. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn*

*tập, Tập 2*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1998, tr. 16.

8. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 2*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1998, tr. 4.

9. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 2*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1998, tr. 6.

10. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 2*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1998, tr. 7.

11. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 2*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1998, tr. 6.

12. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 2*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1998, tr. 7.

13. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 2*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1998, tr. 14 - 17.

14. Hồ Chí Minh, *Toàn tập, Tập 12*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội 2011, tr. 406.

15. Hồ Chí Minh, *Toàn tập, Tập 12*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội 2011, tr. 407.

16. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội 1991, tr. 109.

**\* Giảng viên khoa Công tác đảng, công tác chính trị, Học viện Lục quân**



## **NHỮNG SÁNG TẠO CỦA HỒ CHÍ MINH TRONG VIỆC THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

*Nguyễn Thị Nhã\**

**Đ**ảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã đánh dấu bước ngoặt quan trọng của cách mạng Việt Nam, chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối chính trị, về con đường cứu nước, cứu dân, thoát khỏi ách áp bức của thực dân, phong kiến, thoát khỏi bần cùng, lạc hậu. Chính đường lối này là cơ sở đảm bảo cho sự tập hợp lực lượng và sự đoàn kết, thống nhất của toàn dân tộc có chung tư tưởng và hành động để tiến hành cuộc cách mạng vĩ đại giành những thắng lợi to lớn sau này. Đây cũng là điều kiện cơ bản quyết định phương hướng phát triển, bước đi của cách mạng Việt Nam trong 90 năm qua. Những thành công mà Đảng ta đã đạt được ngày hôm nay có sự đóng góp rất lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người đã chuẩn bị các điều kiện về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Chính trong việc thành lập Đảng chúng ta thấy được tầm vóc, sự sáng tạo của Hồ Chí Minh trong khi vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều

kiện cụ thể của Việt Nam.

Trước hết là sáng tạo của Hồ Chí Minh trong xác định phong trào yêu nước là một nhân tố quan trọng trong thành lập Đảng

Theo nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng Cộng sản ra đời là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân. Tuy nhiên trong điều kiện Việt Nam - một nước thuộc địa lạc hậu, Hồ Chí Minh đã sáng tạo trong việc kết hợp nhân tố dân tộc và nhân tố giai cấp để thành lập Đảng Cộng sản. Nhân tố dân tộc là chủ nghĩa yêu nước, nhân tố giai cấp là chủ nghĩa Mác - Lênin và phong trào công nhân. Trong điều kiện giai cấp công nhân Việt Nam chưa phát triển về số lượng, để tổ chức thành lập Đảng Cộng sản, Người coi trọng việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Theo Người, một đảng chân chính không thể là tổ chức biệt lập, đóng kín, mà phải gắn bó mật thiết, hữu cơ với dân tộc và giai cấp, phải tiêu biểu cho

cuộc đấu tranh của dân tộc và giai cấp, phải là hạt nhân lãnh đạo và đoàn kết dân tộc và giai cấp, phải đại biểu cho giai cấp dân tộc. Quan điểm đó được Người thể hiện rõ trong tác phẩm Đường cách mệnh, và trước đó, năm 1924 Người đã khẳng định: “Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước”.

Yêu nước là một truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam. Phong trào yêu nước ở Việt Nam được Hồ Chí Minh nhận thức, đưa vào là một nhân tố cấu thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Phong trào công nhân dù có tiên tiến, nhưng nếu không gắn bó mật thiết với phong trào yêu nước, không trở thành nòng cốt của phong trào yêu nước thì không đứng vững được trong lòng dân tộc, không đưa được sự nghiệp giải phóng dân tộc đi đến thắng lợi. Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh thấy rõ, trong thời đại mới, phong trào yêu nước ở Việt Nam có khả năng hấp thụ chủ nghĩa Mác - Lênin. Bởi, trong Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, Mác và

Ăngghen cũng đã chỉ ra rằng, giai cấp vô sản dù sinh sống trong từng quốc gia, dân tộc khác nhau, nhưng về bản chất có tính quốc tế, kẻ thù của cách mạng mỗi nước xét cho cùng, về bản chất cũng là một lực lượng quốc tế. Nhưng cách mạng lại diễn ra tại địa bàn quốc gia, dân tộc, nên trước hết giai cấp vô sản phải tự quyết định về vận mệnh của dân tộc mình. Do đó, đối tượng để Hồ Chí Minh truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin không chỉ là giai cấp công nhân, mà còn là những người yêu nước trong dân tộc Việt Nam.

Thời kỳ 1927 - 1929 là thời kỳ chuyển biến của cách mạng Việt Nam. Phong trào công nhân Việt Nam chuyển mạnh từ tự phát đến tự giác, phong trào yêu nước phát triển với chất lượng mới. Thực tế đó chứng tỏ chủ nghĩa Mác - Lênin và những tư tưởng cách mạng của Hồ Chí Minh thông qua Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã thật sự thâm nhập vào toàn bộ phong trào công nhân và phong trào yêu nước, tạo nên làn sóng cách mạng dân tộc, dân chủ mạnh mẽ, tạo điều kiện chín muồi cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trải qua quá trình chuẩn bị chu đáo về chính trị, tư tưởng và tổ chức, Hồ Chí Minh thành lập Đảng

Cộng sản Việt Nam vào đầu năm 1930. Sau này, Người đã tổng kết thành một luận điểm quan trọng: Chủ nghĩa Mác - Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn đến việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Kết hợp nhân tố dân tộc và nhân tố giai cấp trong thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam là sáng tạo nổi bật của Hồ Chí Minh.

Thứ hai về vấn đề đặt tên Đảng

Nét sáng tạo nữa trong việc đặt tên Đảng và chủ trương giải quyết vấn đề Đảng trong khuôn khổ mỗi nước Đông Dương, trong khi Quốc tế Cộng sản có chỉ thị thành lập một Đảng Cộng sản chung cho ba dân tộc Đông Dương. Trong thảo luận tại Hội nghị thành lập Đảng, Hồ Chí Minh giải thích: “Cái từ Đông Dương rất rộng và theo nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, vấn đề dân tộc là vấn đề rất nghiêm túc, người ta không thể bắt buộc các dân tộc khác gia nhập Đảng, làm như thế là trái với nguyên lý của chủ nghĩa Lenin. Còn cái từ An Nam thì hẹp, mà nước ta có ba miền: Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ. Do đó, từ Việt Nam hợp với cả ba miền và cũng không trái với nguyên lý của chủ nghĩa Lenin về vấn đề dân tộc”, nên Hội nghị nhất trí với cách giải

thích của Người và đặt tên là Đảng Cộng sản Việt Nam. Chủ trương đó của Người tuân thủ những nguyên lý xây dựng đảng kiểu mới của chủ nghĩa Mác - Lênin, có tính đến yếu tố dân tộc, nhằm thức tỉnh ý thức dân tộc, khơi dậy sức mạnh của ba dân tộc Đông Dương, đồng thời tạo ra sự tin cậy về chính trị để đoàn kết, giúp đỡ nhau một cách tự nguyện, bình đẳng và có hiệu quả. Những sáng tạo của Hồ Chí Minh trong thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ở một nước thuộc địa đã được thực tế cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới trong thế kỷ XX kiểm chứng là đúng đắn và khoa học. Đây là sự cống hiến quan trọng của Hồ Chí Minh vào kho tàng lý luận Mác - Lênin.

Những luận điểm nêu trên thể hiện sự sáng tạo của Hồ Chí Minh trong quá trình vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, trải qua gần 90 năm phấn đấu, xây dựng và trưởng thành, vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, với bản lĩnh của một đảng cách mạng chân chính, luôn gắn bó mật thiết với nhân dân. Đảng đã lãnh đạo, tổ chức và phát huy sức mạnh to lớn của toàn Đảng, toàn dân ta giành được nhiều thắng lợi vĩ đại.

Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người đã sáng lập, xây dựng và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam thành một Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam, lãnh đạo nhân dân, chèo lái con thuyền cách mạng vượt qua mọi thác ghềnh đi đến bến bờ độc lập, tự do và hạnh phúc. Trên cơ sở những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về Đảng và xây dựng Đảng, Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng và xây dựng Đảng được hình thành và

phát triển càng ngày càng hoàn thiện hơn, sâu sắc hơn theo tiến trình đi lên của cách mạng qua các thời kỳ gắn liền với thực tiễn đời sống của Đảng. Đó chính là kết quả của quá trình vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin về Đảng và xây dựng Đảng phù hợp điều kiện, hoàn cảnh cụ thể ở Việt Nam. Nét sáng tạo độc đáo nhất là quy luật hình thành, phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam. Sự sáng tạo của Hồ Chí Minh đã đóng góp

quan trọng vào sự phát triển lý luận và thực tiễn quy luật ra đời của Đảng Cộng sản ở một nước nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, thuộc địa nửa phong kiến. Việc đưa phong trào yêu nước Việt Nam làm yếu tố thứ ba trong quy luật ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là sự sáng tạo lớn trong việc kết hợp nhuần nhuyễn giữa cái chung và cái đặc thù./.

*\* Giảng viên khoa Xây dựng Đảng*

👉 *Tiếp theo trang 33*

**MỘT SỐ BƯỚC CẦN LƯU Ý...**

dụng cho việc soạn giáo án để xem xét các nội dung trình bày trong giáo án có khớp với tài liệu sử dụng không. Đồng thời phải chỉnh sửa cách diễn đạt, cách trình bày sao cho đảm bảo tuyệt đối chính xác về nội dung, không sai về ngữ pháp, rõ ràng, dễ hiểu từng câu, từng ý. Khi bổ sung chỉnh sửa giáo án cần tranh thủ ý kiến góp ý của đồng nghiệp với thái độ cầu thị, khiêm tốn để giáo án hoàn chỉnh hơn.

**Bước 4: Thông qua giáo án**

Giáo án của giảng viên phải được thông qua ở cấp

có thẩm quyền theo quy định. Giáo viên phải có trách nhiệm tiếp thu ý kiến của người thông qua giáo án, bổ sung hoàn thiện giáo án trước khi chính thức đưa vào giảng dạy.

**Bước 5: Thường xuyên bổ sung, hoàn thiện giáo án**

Trong điều kiện hiện nay, nhiều kiến thức luôn có sự thay đổi, nhất là hệ thống văn bản pháp luật của chúng ta. Chính vì vậy, sau mỗi buổi lên lớp việc trình bày nội dung đã chuẩn bị trong giáo án và đối chiếu với thực tiễn thì giảng viên phải có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung, cập

nhật kiến thức mới vào giáo án để bài giảng có tính thời sự hơn.

Như vậy, soạn giáo án là công việc thường xuyên của mỗi giảng viên. Bài giảng thành công hay thất bại đều phụ thuộc vào chất lượng của mỗi giáo án cụ thể. Vì vậy, việc rèn luyện kỹ năng soạn giáo án là một biện pháp tích cực để nâng cao chất lượng bài giảng./.

*\* Giảng viên khoa Nhà nước và pháp luật*

## **NHỮNG BƯỚC NGOẶT VĨ ĐẠI CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM TỪ KHI CÓ ĐẢNG**

*ThS Phạm Hồng Hải\**

**Thành quả vĩ đại của dân tộc, của đất nước ta trong chín thập kỷ qua gắn liền với vai trò và năng lực lãnh đạo của Đảng. Thực tế lịch sử đã chứng minh, Đảng Cộng sản Việt Nam tồn tại và hoạt động vì một mục tiêu duy nhất là độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội, tất cả vì hạnh phúc, quyền sống, quyền tự do và quyền làm chủ của nhân dân - đó là một Đảng cách mạng chân chính, là đạo đức, là văn minh.**

Dân tộc Việt Nam đã trải qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước. Tiếp nối truyền thống lịch sử hào hùng của cha ông, suốt 90 năm qua, kể từ ngày thành lập đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Nhìn lại những chặng đường dài thăng trầm của lịch sử, nhân dân ta đã đúc kết, rút ra một chân lý: Thắng lợi của cách mạng Việt Nam do nhiều yếu tố tạo thành, song nhân tố chủ yếu, quan trọng và quyết định nhất chính là vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã tạo những bước ngoặt to lớn cho dân tộc Việt Nam.

Một là, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã chấm dứt sự khủng hoảng bế tắc về đường lối cứu nước

Sau quá trình trầm trở, khảo nghiệm con đường cứu nước, với khát vọng giải phóng dân tộc, được ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin soi rọi, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã tìm ra chân lý “không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản”. Từ đây, Người chỉ rõ để làm cách mạng vô sản “Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc

với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi”<sup>(1)</sup>

Những năm 20 của thế kỷ XX, những năm tháng đầy khó khăn, thử thách, với khát vọng cháy bỏng giải phóng dân tộc, Nguyễn Ái Quốc với những hoạt động khẩn trương, tích cực và đầy sáng tạo chuẩn bị những tiền đề về tư tưởng, chính trị, tổ chức để dẫn tới sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam vào mùa xuân năm 1930 là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Với sự tiếp thu lý luận tiên phong là chủ nghĩa Mác - Lênin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ cả về quy mô và chất lượng, đào luyện nên những chiến sĩ cộng sản, ra đời những tổ chức cộng sản để tiến tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận định: “Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam ta. Nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng”<sup>(2)</sup>

Việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930 đã chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối cứu nước và tổ chức lãnh đạo phong trào yêu nước Việt Nam diễn ra từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Từ năm 1858 đến năm 1930, sau hơn 70 năm nhân dân Việt Nam kế thừa truyền thống bất khuất, kiên cường chống ngoại xâm, trước sự xâm lược của thực dân Pháp, các thế hệ người Việt Nam yêu nước, dù ở giai cấp, tầng lớp nào cũng đã sẵn sàng xả thân vì nền độc lập dân tộc. Độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân là yêu cầu bức thiết, là khát vọng của nhân



dân và của cả dân tộc Việt Nam lúc bấy giờ. Nhưng trước khi có Đảng: “các phong trào cứu nước từ lập trường Cần Vương đến lập trường tư sản, tiểu tư sản, qua khảo nghiệm lịch sử đều lần lượt thất bại”(3). Phong trào yêu nước Việt Nam theo các khuynh hướng khác nhau đều lâm vào khủng hoảng, bế tắc về đường lối cứu nước.

Ngay từ khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thực sự trở thành người lãnh đạo, đưa cách mạng Việt Nam vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, từng bước đi lên, làm nên những kỳ tích, đánh dấu bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam, đáp ứng khát vọng của nhân dân Việt Nam và phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, đặc biệt từ sau khi trở thành Đảng cầm quyền, càng thể hiện rõ Đảng luôn luôn vì lợi ích của giai cấp, của dân tộc và của các tầng lớp nhân dân.

Hai là, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã mở ra kỷ nguyên mới cho độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

Sau 15 năm đi theo đường lối cách mạng của Đảng, dân tộc Việt Nam đã làm nên kỳ tích vĩ đại trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Thắng lợi vĩ đại ấy đã khẳng định trên thực tế đường lối đúng đắn, năng lực và hiệu quả lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, là một mốc son chói lọi trên con đường cách mạng do Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã hoạch định từ đầu năm 1930, và là nền tảng vững chắc cho dân tộc Việt Nam tiếp nối trên con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã xóa bỏ chế độ thuộc địa nửa phong kiến và việc thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa: “Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên

trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc”(4) Thắng lợi ấy đã mở ra kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, giành độc lập cho đất nước, đưa nhân dân thoát khỏi cảnh nô lệ lầm than.

Ba là, thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đất nước bước sang kỷ nguyên mới - kỷ nguyên hòa bình, thống nhất, quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Trước sự tái chiếm Việt Nam của thực dân Pháp, toàn thể dân tộc Việt Nam đã đứng lên thực hiện lời thề trong Tuyên ngôn Độc lập (2/9/1945): Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập. Sau 9 năm kháng chiến trường kỳ, thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ (1945-1954) đã bảo vệ và phát triển thành quả cách mạng Tháng Tám 1945, chấm dứt ách thống trị của thực dân Pháp, giải phóng miền Bắc, đưa cách mạng Việt Nam bước sang giai đoạn mới, giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và tiếp tục tiến hành cách mạng giải phóng ở miền Nam. “Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là một thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là thắng lợi của các lực lượng hòa bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trên thế giới”(5)

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954 -1975) là thành quả vĩ đại nhất trong sự nghiệp giải phóng dân tộc do Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo. Chiến công ấy là “một biểu tượng sáng ngời của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỉ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”(6) Thắng lợi đó đã đánh dấu một bước ngoặt quyết định

mở đường cho dân tộc Việt Nam tiến vào một kỉ nguyên mới - kỉ nguyên cả nước hòa bình, thống nhất, cùng quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Bốn là, tiến hành công cuộc đổi mới – đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, từng bước xác lập vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế

Qua hơn 30 năm đổi mới, đất nước đã vượt qua thử thách, hiểm nghèo, phá thế bao vây cấm vận của các thế lực thù địch, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, mở rộng quan hệ quốc tế, tạo tiền đề vững chắc để đất nước ngày càng phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đảng Cộng sản Việt Nam ngày càng trưởng thành, có thêm kinh nghiệm lãnh đạo sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước trong hoàn cảnh mới. Những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử của hơn 30 năm đổi mới đất nước đã minh chứng trong thực tế: “Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử”<sup>(7)</sup>.

Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay đã đưa đến những bước ngoặt căn bản, có tính cách mạng làm thay đổi cả vận mệnh dân tộc, thay đổi thân phận của người dân và vị thế của đất nước Việt Nam. Những thắng lợi to lớn có ý nghĩa chiến lược của cách mạng Việt Nam bắt nguồn từ nhiều nhân tố, trong đó nhân tố quyết định nhất là sự lãnh đạo đúng đắn và sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Những thắng lợi vĩ đại đó đều gắn liền với việc xác định cương lĩnh chính trị, đường lối chiến lược đúng đắn và quá trình lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, hiện thực hóa đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tuy nhiên, trong 90 năm qua, trên thực tế, quá trình lãnh đạo cả trong cách mạng dân tộc dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa,

Đảng có lúc cũng phạm sai lầm, khuyết điểm do giáo điều, chủ quan, duy ý chí. Qua các thời kỳ lịch sử, Đảng đã nghiêm túc và kịp thời tự phê bình, sửa chữa khuyết điểm, tự đổi mới, chỉnh đốn để củng cố niềm tin đối với nhân dân, tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng phát triển đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ từng thời kỳ nhất định.

Tóm lại, quá trình hoạt động lãnh đạo vô cùng phong phú, sôi động, hào hùng của Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi ra đời cho đến nay, đã để lại những bài học có ý nghĩa lý luận và giá trị thực tiễn sâu sắc. Đó cũng là những bước ngoặt to lớn của dân tộc Việt Nam từ khi có Đảng. Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Ngày nay, trong công cuộc đổi mới, hội nhập, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng ta tiếp tục phát huy sức mạnh dân tộc, sức mạnh thời đại, không ngừng nâng cao bản chất cách mạng, bản lĩnh trí tuệ, sức chiến đấu, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, giữa nhân dân với Đảng, chúng ta có đủ cơ sở và niềm tin vững chắc vào những thắng lợi tiếp theo./.

---

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2011, t.2, tr.289.

2. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2011, t.12, tr.406

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Nxb Sự thật, H.1991, tr.10

4. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2011, t.7, tr.25

5. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2011, t.12, tr.410

6. Đảng Cộng sản Việt Nam: Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nxb Sự thật, 1977, tr 5-6

7. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2011, tr.70

## **MỘT SỐ KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC NĂM 2019**

**Cao Trọng Tuệ\***

**Lê Viết Lâm\*\***

**N**ăm 2019, Trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học. Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ nhà trường luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự phối hợp có hiệu quả của các sở, ban, ngành cũng như của Học viện và các địa phương, các cơ sở liên kết đào tạo.

Tập thể Đảng ủy, Ban Giám hiệu, viên chức, người lao động trong toàn trường luôn đoàn kết thống nhất, đề cao tinh thần trách nhiệm quyết tâm thi đua phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, với kết quả đạt được như sau:

### **Thứ nhất, về công tác đào tạo, bồi dưỡng;**

Tổng số lớp đã thực hiện trong năm 2019 là 88 lớp với 7188 học viên, gồm:

- Các lớp đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC theo Kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh giao: 66 lớp với 5.542 học viên;

+ Cao cấp LLCT: 03 lớp, 175 học viên.

+ Đại học hành chính: 01 lớp, 75 học viên; Đại học công tác tổ chức: 01 lớp, 68 học viên.

+ Trung cấp LLCT-HC, hệ tập trung: 07 lớp, 347 học viên;

+ Trung cấp LLCT-HC, hệ không tập: 08 lớp, 570 học viên;

+ Bồi dưỡng theo ngạch chuyên viên, chuyên viên chính: 04 lớp, 177 học viên.

+ BD kiến thức QLNN trước khi bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp phòng và cấp sở và tương đương: 03 lớp, 189 học viên.

+ Bồi dưỡng ngắn hạn: 39 lớp, 3942 học viên.

- Các lớp liên kết mở theo chủ trương của Tỉnh ủy, UBND tỉnh: 22 lớp với 1646 học viên:

+ Trung cấp LLCT-HC: 17 lớp, 1320 học viên.

+ BD theo ngạch theo ngạch chuyên viên, chuyên viên chính: 03 lớp, 227 học viên.

- Các lớp liên kết đào tạo Đại học (theo hình thức xã

hội hóa): 02 lớp, 99 học viên.

### **Thứ hai, về hoạt động nghiên cứu khoa học;**

**Đề tài nghiên cứu khoa học:** Nghiệm thu đưa vào áp dụng 01 đề tài khoa học cấp cơ sở “Xây dựng phần mềm quản lý đào tạo của trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng”.

**Công tác biên soạn, xuất bản:** Nghiệm thu 02 tài liệu: Bồi dưỡng về đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp và Bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp hành chính.

Biên tập và xuất bản 02 số Bản tin “Thông tin lý luận và thực tiễn”: Số 59, 60.

**Hội thảo khoa học:** Tổ chức 02 Hội thảo khoa học cấp tỉnh với chủ đề: “Tổng Bí thư Trần Phú với cách mạng Việt Nam” và chủ đề: “70 năm tác phẩm Dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Giá trị lý luận và thực tiễn”.

**Hội thi học viên học giỏi lý luận chính trị lần II năm 2019:** tổ chức thành công trong tháng 11/2019.

---

**\* Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học**





# Một số hình ảnh về hoạt động của Nhà trường



Hội đồng nghiệm thu đề tài khoa học cấp cơ sở “Xây dựng phần mềm quản lý đào tạo tại trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng” do nhóm tác giả là giảng viên, chuyên viên trong trường thực hiện.

Đại diện Đảng ủy, Ban Giám hiệu, BCH Công đoàn, Đoàn thanh niên đến thăm và tặng quà hỗ trợ cho 02 em học sinh có hoàn cảnh khó khăn, mồ côi cha, mẹ: Đặng Thị Trà My và Đặng Thị Thanh Thảo, tại thôn Thanh Phúc, xã Phúc Thọ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.



Giải bóng chuyền hơi chào mừng kỷ niệm 43 năm thành lập Trường Chính trị tỉnh Lâm Đồng (29/9/1976 - 29/9/2019) dành cho cán bộ, viên chức và người lao động.





Chúc  
mừng  
Năm Mới



AN KHANG  
THỊNH VƯỢNG  
HẠNH PHÚC  
BÌNH AN